

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất
của các đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khóa XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3014/TTr-STC ngày 25/3/2026 (kèm theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 2268/SYT-KHTC ngày 23/3/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất của các đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý, với các nội dung như sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất: Các đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý.

2. Danh mục nhà, đất và phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và quy định của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài chính, Sở Y tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan, hoàn thiện hồ sơ nhà, đất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý các cơ sở nhà, đất theo quy định.

3. Các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cơ sở nhà, đất đảm bảo phù hợp với phương án được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Y tế; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Y tế; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, CN, VHXX, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
I	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm											
1	Số 10/26 Tô Hiến Thành, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	779	332,3	1.611,6	1.525		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản hoàn thành đưa vào sử dụng nhà	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
II	Chi cục Dân số											
1	Số 91 đường Hàn Thuyên, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	1.559,9	640	1455	-		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
III	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh											
1	Cơ sở 472 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	2.744,2	1.041,9	-	2.107,9		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Cơ sở 474 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	3.253,9	1.387	-	4.820		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Cơ sở đường phía nam Bệnh viện Nhi, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa	3.501,4	387	-	-		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 420595	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Diện tích còn lại sau khi điều chuyển 1 phần cho Trung tâm Pháp Y và Giám định Y khoa
IV	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa											
1	Trụ sở Đường phía nam Bệnh viện Nhi, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá	3.263,6	506,8	1.321,8	1.039,2		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
V	Bệnh viện Đa khoa tỉnh											
1	181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	64.246,5	22.062,35	70.443,61	70.443,61		Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 07/9/2021; Quyết định số 12466/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; Quyết định số 4520/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND TP	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
VI	Bệnh viện Phổi											

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	302 đường Nguyễn Hữu Cánh, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá	37.800	9.103	20.336,2	14.720,15		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00186QSĐĐ/1868QĐ-UBND ngày 03/9/1998	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
VII	Bệnh viện Phục hồi chức năng											
1	Số 36 đường Tổng Duy Tân, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	3.677	1.396	3.766	2.951		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 346 ngày 24/11/2004	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
VIII	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành											
1	140 đường Trường Thi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	9.040	4.510,6	14.448,1	14.448,1	Tường rào, trạm biến áp, bể nước ngầm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00571 ngày 27/6/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
IX	Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc											
1	Số 15 đường Lưu Cộng Hoà, thôn Tân Mỹ, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	34.228,59	9.652,91	13.988,81	13.988,81		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định điều chuyển tài sản của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Phòng khám đa khoa khu vực Minh Lộc: Thôn Minh Thịnh, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hoá	2.657	1.106	1.616	1.616		Trích sơ đồ hiện trạng thửa đất theo bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
X	Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành											
1	Thôn Đồng Khanh, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá	21.600	6.563	12.125,13	10.441,13		Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4 (229572-4); Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 28/01/2010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XI	Bệnh viện Tâm thần											
1	217 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	9.465,9	3.949	8.160,2	8.160,2		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3597/QĐ-UBND ngày 13/11/2007	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XII	Bệnh viện Đa khoa Thiệu Hóa											
1	Khu phố Ba Chè, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá	19.852,1	5.093	17.708	16.700		Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hoá	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XIII	Bệnh viện Đa liễu											
1	Trụ sở chính: 195 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	6.350	1.511	-	7.366		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
XIV	Bệnh viện Nội tiết											
1	476 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	5.962	1.598	7.721	7.721		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Ngõ 378 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	2.152	460	460	460		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XV	Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn											
1	Thôn Thịnh Vượng, xã Nga Sơn	25.938	6.815	17.637	14.375		Trích lục bản đồ địa chính khu đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XVI	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Lộc											
1	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Lộc (Khu 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa)	24.000	4.034	8.648	8.648		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579QSĐĐ/số1248/QĐ-UB ngày 23/5/2001 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Phòng khám Đa khoa Minh Tân: Thôn 6, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa	2.100	308	616	616		Trích lục thửa đất từ bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XVII	Trung tâm Kiểm nghiệm											
1	575 Quang Trung 2, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	2.400	534	1.672	901,2		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Khu đất và nhà sử dụng chung với Trung tâm truyền thông - giáo dục sức khỏe cũ (thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh)
XVIII	Trung tâm Y tế Hoằng Hoá											
1	Trung tâm Y tế Hoằng Hoá. Thôn Phúc Thọ, xã Hoằng Hoá	2.440,71	299,33	802	802		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Hoằng Đạo: Thôn Tứ Luyện, xã Hoằng Hóa	1.764.1	301	301	301	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03021	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hoằng Đồng: Thôn 2, xã Hoằng Hóa	1.227	295,3	464,8	458,3	4	Trích đo bản đồ số 580	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Bút Sơn: Thôn Tân Sơn, xã Hoằng Hoá	1.063.5	185	280	280	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 85-1	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
5	Trạm Y tế Hoàng Hà: Thôn Đát Tài, xã Hoàng Hóa	2.235.9	397	577	577	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 508306	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Hoàng Đức: Thôn Cự Đà, xã Hoàng Hóa	2.000	531	531	531	3		Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Hoàng Đạt: Thôn Hạ Vũ 1, xã Hoàng Hóa	1.970	404	678	678	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01199	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Hoàng Hợp: Thôn Quý Thọ, xã Hoàng Giang	1.305	358	726,7	444,9	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00412	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Hoàng Quý: Thôn Phúc Tiên, xã Hoàng Giang	2.000	190	190	190	2	Thửa số 127, 128, 130 tờ bản đồ số 06	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Hoàng Xuân: Thôn Đại Điền, xã Hoàng Giang	1.497,5	512,5	793,5	793,5	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 289	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Hoàng Giang: Thôn Vĩnh Gia, xã Hoàng Giang	3.082	1.803.7	669,8	669,8	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 554	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Hoàng Quý: Thôn Hào Nam, xã Hoàng Phú	2.934	298	563,05	563,05	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 147-6	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Hoàng Phú: Thôn Trung Tây, xã Hoàng Phú	871	265	265	265	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00205	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Hoàng Trung: Thôn Trung Hậu, xã Hoàng Phú	328,24	328,24	328,24	328,24	2	Trích đo: 419-9	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Hoàng Kim: Thôn My Du, xã Hoàng Phú	2692,4	320	538	538	2	Quyết định số 3233/QĐ-UBND năm 2019 của UBND tỉnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Hoàng Xuyên: Thôn Long Bình, xã Hoàng Sơn	1.090	250	450	450	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 309-5	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Hoàng Cát: Thôn Hà Nội, xã Hoàng Sơn	3.030	200	400	400	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696358	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
18	Trạm Y tế Hoàng Sơn: Thôn Bán Thành, xã Hoàng Sơn	2.162	275	400	400	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 94	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Hoàng Tân: Thôn Cẩm Vinh, xã Hoàng Lộc	3.017	358,4	464,8	464,8	2	Trích đo: 96-08	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Hoàng Trạch: Thôn An Hào, xã Hoàng Lộc	3.449	500	750	750	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00248	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Hoàng Lộc: Thôn Đồng Thịnh, xã Hoàng Lộc	6.500	551,45	551,45	551,45	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01993	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Hoàng Thịnh: Thôn Bắc Đoan Vỹ, xã Hoàng Lộc	1.847	170	170	170	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HSG 175-7	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Hoàng Thái: Thôn 5, xã Hoàng Lộc	1.499.6	332	423	423	1	Trích đo: 340-15	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Hoàng Thành: Thôn 1, xã Hoàng Lộc	5.155	402	522	522	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HSG: 84-40	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Hoàng Châu: Thôn Minh Thái, xã Hoàng Châu	3.000	385,2	564,6	564,6	2	Trích đo	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
26	Trạm Y tế Hoàng Phong: Thôn Phong Mỹ, xã Hoàng Châu	2.500	225	225	225	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00594	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
27	Trạm Y tế Hoàng Lưu: Thôn Phượng Ngõ, xã Hoàng Châu	2.154.5	370,4	600,4	600,4	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01760	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Hoàng Thắng: Thôn Gia Hòa, xã Hoàng Châu	3.133.54	341,5	341,5	341,5	3	Trích đo: 296-38	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
29	Trạm Y tế Hoàng Thanh: Liên Hà, xã Hoàng Thanh	1.592.5	447	447	447	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01368	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
30	Trạm Y tế Hoàng Đông: Liên Hà, xã Hoàng Thanh	1.680	440	800	800	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00344	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	30.299	11.346,0	24.717	24.717		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Phòng khám đa khoa Xuân Lai: Thôn 3, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá	3.000	1.133,2	1.783,2	1.725,5		Quyết định số 662/QĐ-STC ngày 31/12/2007 về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất của Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXIV	Bệnh viện Đa khoa Thường Xuân											
1	Trụ sở chính: Thôn 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	11.021	4.708,33	8.885,8	8.885,8		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761365 ngày 16/4/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Phòng khám đa khoa khu vực Bù Đồn: Thôn Công Thương, xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hoá	2.942	504	504	504	Tường rào 300 m ² ; Bể nước 5 m ³	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 064798 ngày 02/6/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXV	Bệnh viện Đa khoa Yên Định											
1	Thôn Tân Ngừ 1, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hoá	25.658	7.533	13.068	13.068		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 589310	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXVI	Bệnh viện Đa khoa Quảng Xương											
1	Số 34 ngõ 381 đường Tố Hữu, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá	26.179	8.124	17.179	17.179		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923018; số CT 00553 ngày 02/7/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXVII	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân											
1	Trụ sở chính: Thôn 4, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	11.069,2	3.884,35	6.729,2	6.729,2	Sân vườn, đường nội bộ; HT thoát nước; HT điện; Hàng rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 01355 ngày 09/10/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Phòng khám đa khoa Xuân Bình: Thôn Mơ, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hoá	7.842	885	885	885	Sân vườn, đường nội bộ; HT thoát nước; HT điện; Hàng rào		Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXVIII	Bệnh viện Đa khoa Nông Cống											
1	Thôn Tập Cát 1, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá	19.002	10.338	18.163	18.163	Ao chứa nước, bể lọc nước; Sân cầu lông; Công viên; Đường vào nhà tang lễ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00296	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
XXIX	Trung tâm Y tế Thạch Thành											
1	Trụ sở Trung tâm Y tế Thạch Thành	4.000	290	577	577	1.167	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Thành Trục	2.200	225	225	225	195	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 086812 ngày 10/6/2005 do UBND huyện cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Thành Tiến	1.092	223,35	446,7	446,7	570	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615602 ngày 06/01/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Thành Hưng	1.998,65	215	430	430		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 093346 ngày 27/7/2005 do UBND huyện cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Kim Tân	512	157	157	157		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số UB 696522 ngày 12/01/2015 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thạch Định	3.242	197	197	197		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796291 ngày 10/6/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Thành Thọ	1.335	318	318	318		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761820 ngày 12/6/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Thành Công	1.204	191	191	191	56	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923473 cấp ngày 14/8/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
9	Trạm Y tế Vân Du	3.522,4	393	644	644		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 655013 ngày 15/7/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Thành Tân	3.508	189	189	189	235	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 086840 ngày 26/6/2025 do UBND huyện Thạch Thành cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Ngọc Trạo	1.764	295	295	295		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761921 ngày 19/6/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Thành Long	2.617,7	240	240	240		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796077 ngày 09/5/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Thành An	1.500	170	170	170		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761870 ngày 23/6/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Thành Tâm	4.376	304	304	304	220	Biên bản khảo sát vị trí đất ngày 04/4/2008	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Thạch Bình	4.968	208	208	208		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2005 do UBND huyện cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Thạch Cẩm	2.423	220	220	220	224	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796438 ngày 27/6/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Thạch Sơn	3.036,5	220	220	220	0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923517 ngày 20/8/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
							do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp					
18	Trạm Y tế Thạch Long	2.284	297	515	515	40	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2005 do UBND huyện cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Thạch Long (cơ sở Trạm Y tế Thạch Đồng cũ)	1.168	300	300	300	53	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761693 ngày 05/6/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Thành Mỹ	2.190	372	372	372	1.115	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796310 ngày 14/6/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Thành Minh	2.637	493	493	493	1.479	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796343 ngày 17/6/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Thành Yên	1.155	351	351	351		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923015 ngày 02/7/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Thành Vinh	4.535	239	239	239		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 086837 ngày 26/6/2005 do UBND huyện cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Thạch Lâm	2.111	264	264	264		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796249 ngày 03/6/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Thạch Tượng	2.466	210	210	210	141	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761023 ngày 14/3/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
26	Trạm Y tế Thạch Quảng	4.021	522	522	522		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761894 ngày 23/6/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXX	Trung Tâm Y tế Hậu Lộc											
1	Trung tâm Y tế Hậu Lộc	4.909,4	924	2712	2712		Trích đo bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Hậu Lộc cơ sở 1: Thôn Trung Thành, xã Hậu Lộc	2.000	400	400	400	1	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Tuy Lộc cơ sở 1: Thôn Kỳ sơn, xã Đông Thành	1.477	225	450	450	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03138 ngày 12/06/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Thành Lộc cơ sở 1: Thôn Thành Đông, xã Đông Thành	2.750	550	550	550	4	Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Triệu Lộc cơ sở 1: Thôn Sơn Thượng, xã Triệu Lộc	2.555	304.3	304.3	304.3	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 913616 ngày 14/9/2004	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thuần Lộc cơ sở 1: Thôn Tinh Anh, xã Hậu Lộc	1.385	460	1223	1223	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 04016 ngày 08/10/2014.	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Ngư Lộc: Thôn Chiến Thắng, xã Vạn Lộc	4.469.5	325	650	650	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 439364 ngày 31/07/2014 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Hưng Lộc: Thôn Yên Hòa, xã Vạn Lộc	989	204	351	351	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 451722 ngày 7/5/2004 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Hải Lộc: Thôn Tân Lộc, xã Vạn Lộc	1.300	290	490	490	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0439288	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Tiến Lộc: Thôn Sơn, xã Triệu Lộc	1.881	500	500	500	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất QSD.CT 103501 ngày 30/7/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
11	Trạm Y tế Lộc Sơn: Thôn Đa Thượng, xã Hậu Lộc	2.000	400	400	400	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Xuân Lộc: Thôn Xuân Phú, xã Hoa Lộc	4.285	367	576	576	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 451710 ngày 07/05/2004	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Mỹ Lộc: Thôn Trần Phú, xã Hậu Lộc	910	298	298	298	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 913660 ngày 14/9/2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Hòa Lộc: Thôn Xuân Tiến xã Hoa Lộc	1.612	298	298	298	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 094308 ngày 25/10/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Phú Lộc: Thôn Giữa, xã Hoa Lộc	2.000	560	1.120	1.120	4	Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Cầu Lộc cơ sở 1: Thôn 2, xã Đông Thành	2.102	208,8	474	320	4	Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Quang Lộc: Thôn Quang Sơn, xã Hoa Lộc	2.054	430	430	430	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 480/CNX ngày 15/8/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Hoa Lộc: Thôn 3, xã Hoa Lộc	2.951	430	720	720	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03336 ngày 07/7/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Đại Lộc: Thôn Y Ngô, xã Triệu Lộc	1.820	269	269	269	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 094316 ngày 25/4/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Liên Lộc: Thôn 3 xã Hoa Lộc	4.213	345	345	345	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03100 ngày 10/6/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Minh Lộc: Thôn Minh Thanh, xã Vạn Lộc	2.030	408	696	696	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1458/ TLBD ngày 09/7/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Đồng Lộc: Thôn Nhân Hậu, xã Đông Thành	1.188	290	540	540	2	Chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Đa Lộc: Thôn Đông Thành, xã Vạn Lộc	1.978	289	289	289	2		Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
XXXI	Trung tâm Y tế Quan Sơn											
1	Trung tâm Y tế Quan Sơn: Số 99 đường Lê Thái Tổ, khu phố 5, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	2.359	1426	1426	5704	Nhà xe, bể nước, nhà kho, tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 420589 ngày 03/8/2009	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trung tâm Dân số cũ: Khu phố 5, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	651,8	52	52	104	Nhà vệ sinh, tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615825 ngày 24/2/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Sơn Lư: Số 05 đường Nang Non, Khu Phố Păng, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	1.460,4	250	250	250	Nhà để xe, sân tường rào, công	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615828	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Trung Thượng: Bản Ngàm, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	2.125	370	370	370	Sân tường rào, công	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước số 14/14/10/05	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế thị trấn Sơn Lư cũ - Cơ sở điều trị Methadone thị trấn Sơn Lư: Số 14 đường Hà Văn Mao, Khu Phố 1, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	698	397	397	660	Nhà để xe, Tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 451616	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Trung Hạ: Số 08 Bản Xây, xã Trung Hạ, tỉnh Thanh Hoá	1.000	235	235	380	Nhà để xe, sân tường rào, công	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923162; số Y 364858 ngày 23/12/2003 do Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Trung Xuân: Số 46 Bản Piềng Phố, xã Trung Hạ	880	243	342	342	Nhà để xe sân tường rào, công	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 364939	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Trung Tiên: Số 19, Bản Chè, xã Trung Hạ	1.512,5	489	489	679	Nhà để xe. Nhà bếp, sân, Tường rào, Công trạm	Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích đất ngày 17/8/2021	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Tam Lư: Số 15 đường Hậu 1, Bản Hậu, xã Tam Lư, tỉnh Thanh Hóa	1.256,25	260	260	260	Nhà để xe, sân, tường rào, công	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. số Y 364895	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Sơn Hà: Bản Hạ, xã Tam Lư, tỉnh Thanh Hóa	800	264	264	264	Nhà để xe sân tường rào, công	Giấy chứng nhận quyênd sử dụng đất, số Y 364896	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
11	Trạm y tế Tam Thanh: Bản Bôn, xã Tam Thanh, tỉnh Thanh Hóa	1.560	300	180	180	Nhà bếp, Nhà để xe, Sân trạm, Tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106/QSDĐ/1039/QĐ-UB	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Sơn Điện: Bản Na Nghiu, xã Sơn Điện, tỉnh Thanh Hóa	4.914	575	575	575	Nhà, nhà để xe sân tường rào	Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp số 10 ngày 14/12/05; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 105385 ngày 10/03/2025	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Mường Mìn: Số 85 Bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	3.430	207	207	414	Nhà để xe, sân, tường rào, công bếp, công	Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích đất ngày 25/4/2013 UBND xã Mường Mìn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Sơn Thủy: Số 31, Bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, tỉnh Thanh Hóa	1.582	280	280	480	Sân, nhà để xe, cổng, tường rào	Giấy chứng nhận quyênd sử dụng đất, số 093728	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Na Mèo: Số 36 Bản Xộp Huổi, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa	1.473,2	400	600	700	Nhà, nhà để xe sân tường rào, công	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923786	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXXII	Trung tâm Y tế Thường Xuân											
1	Trung tâm Y tế Thường Xuân: 242 Lê Lợi, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	851,6	450	1.800	1.800		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Cơ sở điều trị Methdone: Thôn Tiên Sơn 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2.387,5	470	470	462	334 m² tường rào, 01 cổng đơn vị, 308 m² sân đường nội bộ	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
3	Trạm Y tế Luận Khê cơ sở 2: Thôn Yên Mỹ, xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hoá	2.000	386	386	386	01 giếng khoan, 219,5 m² tường rào, 01 công trạm, 01 nhà xe, 03 nhà vệ sinh, 01 lò đốt rác, 01 bể lọc nước 9,5 m³, 128 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước, 525,9 m² vườn thuốc nam	Đang làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Lương Sơn: Thôn Trung Thành, xã Lương Sơn, tỉnh Thanh Hoá	1.453	218	446,7	309,9	01 giếng đào, 200m2 tường rào, 01 công trạm, 02 nhà vệ sinh, 01 lò đốt rác, 01 bể lọc nước, 250m2 vườn thuốc nam	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Luận Thành: Thôn Tiến Hưng 1, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hoá	2.164	498,5	747	670	01 giếng khoan, 300 m² tường rào, 01 công trạm, 01 lò đốt rác, 01 nhà xe, 03 nhà vệ sinh, 01 bể lọc nước, 700 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước, 250 m² vườn thuốc nam.	Trích lục bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
6	Trạm Y tế Xuân Cao: Thôn Quyết Thắng 1, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hoá	2.398	420	420	420	01 giếng khoan, 160 m² tường rào, 01 lò đốt rác, 03 nhà vệ sinh, 01 nhà xe, sân bê tông 998 m²	Trích lục bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Xuân Thắng cơ sở 1: Thôn Dín, xã Thắng Lộc, tỉnh Thanh Hoá	1.767	226	398	398	01 giếng khoan, 155 m² tường rào, 01 công trạm, 01 lò đốt rác, 764,2 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước, 187,1 m² vườn thuốc nam	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Xuân Lộc cơ sở 2: Thôn Cộc, xã Thắng Lộc, tỉnh Thanh Hoá	2.480	503,7	503,7	503,7	01 giếng đào, 205 m² tường rào, 03 nhà vệ sinh, 01 nhà xe, 564,4 m² sân đường nội bộ chưa láng, 102,5 m² vườn thuốc nam	Đang làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Thường Xuân: Trạm Y tế Thị Trấn Thường Xuân cũ) cơ sở 1: Thôn Trung Chính, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	1.140.6	345	345	345	01 giếng khoan, 50 m² tường rào, 01 nhà vệ sinh.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Tân Thành: Thôn Thành Lãm, xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hoá	1.323	450	450	390	02 Giếng khoan, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà xe, 01 bể nước, 01 sân chơi bóng mát, 260 m² tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
11	Trạm Y tế Thọ Thanh: Thôn Thanh Trung 1, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	1.643	334,3	312,4	312,4	01 giếng khoan, 1.750 m² tường rào, 01 công trạm, 01 nhà xe, 01 lò đốt rác, 04 nhà vệ sinh, 664,2 m² sân đường nội bộ, 60 m² vườn thuốc nam	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Xuân Lẹ: Thôn Xuân Ngù, xã Xuân Lẹ, tỉnh Thanh Hoá	2.400	288	288	288	01 Giếng khoan, 200 m² tường rào, 02 nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Vạn Xuân: Thôn Ná Mén, xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hoá	1.692	500	500	500	01 giếng khoan, 300 m² tường rào, 01 nhà xe, nhà vệ sinh 03, 01 lò đốt rác, 01 bể nước, 900 m² sân đường nội bộ, 292 m² vườn thuốc nam	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Ngọc Phụng cơ sở 2: Thôn Xuân Thắng, xã Ngọc Phụng, tỉnh Thanh Hoá	2.475	262,88	262,88	262,88	01 giếng khoan, 196 m² tường rào, công trạm nhà vệ sinh 03, 01 lò đốt rác, 01 təc nước, 320 m² sân đường nội bộ, 382 m² vườn thuốc nam	Đang làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
15	Trạm Y tế Bát Một cơ sở 1: Thôn Cạn, xã Bát Một, tỉnh Thanh Hoá	6.035.4	378	378	378	01 công trạm, 04 nhà vệ sinh, 01 lò đốt rác, 01 bể nước, 165 m² tường rào, 78 m² vườn thuốc nam	Trích đo bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Xuân Dương cơ sở 1: Thôn Thống Nhất 2, xã Xuân Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	2.421	336	336	336	01 giếng khoan, 680 m² tường rào, 01 công trạm, 01 nhà xe, 04 nhà vệ sinh, 01 lò đốt rác, 01 bể lọc nước, 450 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước, 300 m² vườn thuốc nam	Đang làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Xuân Chinh: Thôn Thông, xã Xuân Chinh, tỉnh Thanh Hoá	2.395	639,7	465.95	414,1	01 giếng khoan, 200 m² tường rào, 01 công trạm, 01 nhà xe, 02 nhà vệ sinh, 01 lò đốt rác, 01 bể lọc nước, 1.334 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước, 150 m² vườn thuốc nam	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Yên Nhân: Đội 2, Thôn Chiềng, xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hoá	1.600,6	384,85	384,85	384,85	01 giếng khoan, 172 m² tường rào, 01 công trạm, 01 nhà xe, 02 nhà vệ sinh, 01 lò đốt rác, 01 bể nước, 450 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước, 100 m² vườn thuốc nam	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
XXXIII	Trung tâm Y tế Bá Thước											
1	Trung tâm Y tế Bá Thước: Thôn Giỏi, xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hoá	3.156,5	514,5	1.506,5	1.407,5	Tường rào; Nhà để xe; Nhà bảo vệ; Lò đốt rác; Sân	Thửa đất số 196, tờ bản đồ địa chính số 18, bản đồ địa chính xã Ái Thượng năm 2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Kỳ Tân cơ sở 1: Thôn Pật xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hoá	3.105,5	366,6	682,12	660	Nhà để xe; Lò đốt rác; Tường rào	Thửa đất số 256, tờ bản đồ địa chính số 31, bản đồ địa chính xã Kỳ Tân năm 2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Văn Nho: Thôn Poọng, xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hoá	2.116,5	427	622	622	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02089 ngày 16/01/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Thiết Ống: Phố Đồng Tâm 3, xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hoá	4.581,9	523,2	732	707	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 274, bản đồ số 32, bản đồ địa chính xã Thiết Ống đo năm 2015	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Thiết Kế. Thôn Luồng, xã Thiết Ống, Tỉnh Thanh Hoá	2.537	342,5	601	565	Nhà để xe; Lò đốt rác; Tường rào; Sân	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 088268 do UBND huyện Bá Thước cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Cành Nàng cơ sở 1: Khu phố Hồng Sơn, xã Bá Thước, Tỉnh Thanh Hoá	6.679	397,66	648,06	628,06	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923422 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Hạ Trung: Thôn Cò Con, xã Bá Thước, Tỉnh Thanh Hoá	3.451,3	300	300	300	Tường rào; Sân; Vườn; Lò đốt rác; Nhà để xe	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 104, bản đồ địa chính xã Hạ Trung năm 2018	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Ban Công: Thôn Sát, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá	1.474,9	300	496,52	478,52	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615820 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Lũng Niêm: Phố Đoàn, xã Pù Luông, tỉnh Thanh Hoá	1.946.4	661	894	864	Nhà để xe; Lò đốt rác; Tường rào; Sân	Tờ bản đồ địa chính số 58, thửa đất số 346, bản đồ địa chính xã Lũng Niêm năm 2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
10	Trạm Y tế Thành Lâm: Thôn Tân Thành, xã Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa	1.443,9	398,3	636,6	578,4	Nhà để xe; Nhà bảo vệ; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 932102 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Thành Sơn: Thôn Pù Luông, xã Pù Luông, tỉnh Thanh Hóa	450	337	539	509	Sân; Tường rào	Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 99, bản đồ địa chính xã Thành Sơn năm 2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Cỏ Lũng: Thôn Nà Khả, xã Cỏ Lũng, tỉnh Thanh Hoá	3.260,8	410	610	580	Nhà để xe; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615293 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Lũng Cao cơ sở 1: Thôn Hìn, xã Cỏ Lũng, tỉnh Thanh Hoá	1.437,7	240	480,2	460	Nhà để xe; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615610 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Điền Quang: Thôn Lũng, xã Điền Quang, tỉnh Thanh HoáThanh Hoá	1.897,5	327	490,5	470,5	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 088268 do UBND huyện Bá Thước cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Điền Hạ: Thôn Né, xã Điền Quang, tỉnh Thanh Hoá	2.500	269	458	416	Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 21, bản đồ địa chính xã Điền Hạ năm 2021	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Điền Thượng: Thôn Chiềng Mung, xã Điền Quang, tỉnh Thanh Hóa	3.579,5	380	380	380	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 399, 398, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã Điền Thượng năm 2017	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Điền Lư: Thôn Triu, xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hoá	1.336,4	268,8	477,6	455,6	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761218 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 918,8 m²; 417,6 m² xã Điền Lư giao chưa được cấp chứng nhận
18	Trạm Y tế Ái Thượng: Thôn Thung Tâm, xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hoá	1.251	390	390	390	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Ái Thượng năm 2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
19	Trạm Y tế Lương Trung: Thôn Quang Trung, xã Quý Lương, tỉnh Thanh Hoá	4.613,3	516,5	516,5	516,5	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615084 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Lương Ngoại: Thôn Ngọc Sinh, xã Quý Lương, tỉnh Thanh Hóa	2.365,9	242,5	435	415	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 39, bản đồ địa chính xã Lương Ngoại năm 2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Lương Nội cơ sở 1: Thôn Ben, xã Lương Nội, tỉnh Thanh Hoá	1.815	384	768	756	Tường rào; Nhà vệ sinh; Lò đốt rác; Sân; Nhà xe	Thửa đất số 948, tờ bản đồ số 62, bản đồ địa chính xã Lương Nội năm 2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXXIV	Trung tâm Y tế Mường Lát											
1	Trung tâm Y tế Mường Lát: Thôn 3, xã Mường Lát	3.682	680	1633,84	1633,84	07 (Tường rào; Nhà để xe ô tô; Nhà để xe máy; Nhà bảo vệ; Bể nước ngầm; Nhà PCCC; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trung tâm Dân số cũ: Thôn 2, xã Mường Lát	598,8	88	176	176		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Mường Lát: Thôn Tén Tẩn, xã Mường Lát	1.915	447,93	645,71	645,71	04 (nhà công vụ cán bộ ở; nhà xe; bể nước; tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Trung Lý: Bản Táo, xã Trung Lý	2.370,1	254	508	508	03 (Bể nước, nhà xe, tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Mường Chanh: Bản Chai, xã Mường Chanh	5.849,3	447,3	447,3	447,3	02 (Nhà công vụ cán bộ ở; Nhà xe)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615990 ngày 12/3/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
6	Trạm Y tế Pù Nhi: Bản Na Tao, xã Pù Nhi	1.485	363	668	668	04 (Nhà công vụ; nhà để xe; bể nước; tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Mường Lý: Bản Nàng 1, xã Mường Lý	1.240	215,9	474	474	03 (Nhà để xe máy, bể nước, tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Nhi Sơn: Bản Chim, xã Nhi Sơn	1.707	279	536	536	03 (Công trình nhà vệ sinh, nhà, bể nước, tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Quang Chiêu: Bản Poọng, xã Quang Chiêu	1.185,5	182	364	364	03 (Nhà xe máy, bể nước, tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Tam Chung: Bản Lát, xã Tam Chung	2.105,8	220	425	425	04 (Nhà xe máy, bể nước, tường rào, khu nhà vệ sinh)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXXV	Trung tâm Y tế Quan Hóa											
1	Trung tâm Y tế Quan Hoá: Thôn 4, xã Hội Xuân, tỉnh Thanh Hoá	4.000	652,16	1.250,16	1.250,16		Quyết định số 2626/QĐ-UBND cấp ngày 21/9/2006	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Phú Nghiêm: Bản Đồng Tâm xã Hội Xuân tỉnh Thanh Hóa	1.500	245	245	-		Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích đất ngày 20/5/2017 UBND xã Phú Nghiêm	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hội Xuân: Khu 3 xã Hội Xuân tỉnh Thanh Hóa	1.870,3	540	540	540	Nhà truyền thông, nhà để xe, sân, tường rào, cổng	Đo đạc hiện trạng số 768/TLBĐ ngày 22/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Nam Xuân: Bản Nam Tân xã Nam Xuân tỉnh Thanh Hóa	1.423,6	348	329	329	Sân, tường rào, nhà để xe	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761756	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Nam Tiến: Bản Phố Mới xã Nam Xuân tỉnh Thanh Hóa	7.214,1	219	385	385	Sân, tường rào, nhà để xe	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 263047	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
6	Trạm Y tế Nam Động: Bản Chiềng xã Thiên Phú tỉnh Thanh Hóa	2.928,2	388,4	440	440	Nhà xe, sân, tường rào, cổng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 046946	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế xã Thiên Phú: Bản Chong xã Thiên Phú tỉnh Thanh Hóa	2.300	300	180	180	Nhà xe, sân, tường rào, cổng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 094020 và số 094022	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Hiền Chung: Bản Bó xã Hiền Kiệt tỉnh Thanh Hóa	1.200	334	401	401	Sân, tường rào, cổng, nhà để xe, nhà bếp	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 263036	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Hiền Kiệt: Bản Pọng Tó xã Hiền Kiệt tỉnh Thanh Hóa	1.200	208,8	447	447	Nhà để xe, sân, nhà bếp, tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09030	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Phú Xuân: Bản Éo xã Phú Xuân tỉnh Thanh Hóa	1.733,7	348	348	348	Nhà để xe, sân, nhà bếp, tường rào	Giấy xác nhận ngày 15/4/2022 của UBND xã Phú Xuân	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Phú Lệ: Bản Sại xã Phú Lệ tỉnh Thanh Hóa	2.511,3	498	996	881	Sân, nhà để xe, nhà bếp, cổng, tường rào	Trích đo đạc thửa đất số 154/ĐĐCL ngày 28/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Phú Sơn: Bản Chiềng xã Phú Lệ tỉnh Thanh Hóa	1.969,4	268	268	268	Sân, nhà để xe	Biên bản bàn giao đất ngày 20/4/2018 của UBND	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Phú Thanh: Bản Đỏ xã Phú Lệ tỉnh Thanh Hóa	4.870,4	335,76	335,76	335,76	Sân, nhà để xe, tường rào	Biên bản bàn giao đất ngày 04/9/2019 của UBND xã Phú Thanh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Thành Sơn: Bản Sơn Thành xã Trung Thành tỉnh Thanh Hóa	1.200	394	243,5	243,5	Sân, nhà để xe, cổng, tường rào	Văn bản xác nhận ngày 11/8/2025 của UBND xã Trung Thành	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Trung Thành: Bản Chiềng xã Trung Thành tỉnh Thanh Hóa	1.250	384	387	387	Sân, nhà để xe, cổng, tường rào	Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích của UBND xã Trung Thành	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Trung Sơn: Bản Pạo xã Trung Sơn tỉnh Thanh Hóa	861,1	460	424	424	Sân, nhà để xe, cổng, tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 49636	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXXVI	Trung tâm Y tế Nga Sơn											
1	Trung tâm Y tế Nga Sơn: xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	3.200	600,5	2.402	2.402		Trích lục bản đồ địa chính khu đất; Biên bản kiểm tra hiện trạng	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
2	Trạm Y tế Nga Giáp: Thôn Ngoại 2, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	2.413	387	496	496	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Nga Thạch: Thôn Hậu Trạch, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa	2.208	330	570	570	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Nga Vịnh: Thôn Tuân Đạo, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa	912	322,7	570	585,4	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Ba Đình: Thôn Thượng Thọ, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa	2.646	390	610	610	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Nga Tân: Thôn 20, xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.808	390	680	680	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Nga Tiến: Thôn 13, xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hóa	2.400	272	474	474	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Nga Hải: Thôn Tây Sơn, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	1.731	320	498	498	2	Trích đo thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Nga Yên: Thôn Yên Khoái, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.666	405	605	605	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Nga Văn: Thôn Văn Lâm, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa	1.667,5	232,24	464,48	464,48	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Nga Điền: Thôn Điền Hộ, xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa	4.322	230	390	390	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Nga Thiện: Thôn Mỹ Thịnh, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa	1.658,8	416	620	620	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Nga Trường: Thôn Đông Kinh, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa	3.441	256	413	413	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
14	Trạm Y tế Nga Phượng: Thôn Đồng Đội, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa	1.839	418,8	622,6	622,6	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Nga Thành: Thôn Đông Xuân, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	1.212	392	512	512	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Nga Thủy: Thôn Đô Lương, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	4.660	341	610	610	5	Trích lục bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Nga Liên: Thôn 7, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	3.270	208	355	355	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Nga Hiệp cơ sở 1: Thôn Bạch Trung, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.854	357	648	648	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Nga Hiệp cơ sở 2: Thôn Nga Trung 3, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.150	255	420	420		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Nga Thái: Thôn 3, xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hóa	749	430	660	640	5	Trích vị trí bản đồ địa chính khu đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Nga Thanh: Thôn Vạn Liên, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2.669	290	510	510	4	Sơ đồ thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Nga An: Thôn Đông Sơn, xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa	2.000	263	416	416	4	Trích vị trí thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Nga Thắng: Thôn Thượng, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa	5.688	401	637	637	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Nga Phú: Thôn Phong Phú, xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa	2.182	550	1050	800	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Nga Sơn: Thôn Hưng Long, xã Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	1.000	380	580	580	3	Trích bản đồ địa chính khu đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
XXXVII	Trung tâm Y tế Hạc Thành											
1	Trung tâm Y tế Hạc Thành cơ sở 1 (Trung tâm Y tế TP Thanh Hóa cũ): 322 Trần Hưng Đạo, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá	2.623	491	2.455	2.455		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01327	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Trường Thi: 01 đường Hồng Nguyên, phường Hạc Thành	602,4	150	300	300		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 093967 ngày 08/5/2006 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Đông Vệ: 03 Nguyễn Sơn, phường Hạc Thành	1.322,5	295	495	495		Trích đo địa chính ngày 06/9/2019 do UBND phường Đông Vệ cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Đông Thọ: 185 Thành Thái, phường Hàm Rồng	859,7	200	200	200		Trích đo địa chính ngày 28/8/2019 do UBND phường Đông Thọ cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Quảng Hưng: Phố Hưng Thọ, phường Quảng Phú	2.533,5	197,5	395	395		Trích đo địa chính ngày 10/9/2021 do UBND phường Quảng Hưng cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Ngọc Trạo: 72 Nguyễn Thiếp, phường Hạc Thành	175,6	125	250	250		Trích đo địa chính do UBND phường Ngọc Trạo cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Quảng Thành: Phố Tân Trọng, phường Quảng Phú	1.781,7	173,6	473,2	473,2		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 094833 ngày 08/5/2006 do UBND huyện Quảng Xương cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Hàm Rồng: 02 đường Yên Ngựa, phố Hàm Long, phường Hàm Rồng	682,5	175	350	350		Trích đo địa chính ngày 08/9/2021 do UBND phường Hàm Rồng cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Đông Sơn: 05/344 Lê Lai, phường Hạc Thành	504,2	208	416	416		Trích đo địa chính ngày 25/6/2009 do UBND thành phố cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Phú Sơn: 753 Nguyễn Trãi, phường Hạc Thành	905,14	280,7	462,7	462,7		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09385 ngày 08/6/2006 do UBND TP Thanh Hóa cấp cho Trường Mầm non Phú Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Giấy chứng nhận đang của Trường Mầm non Phú Sơn, chưa sang tên cho Trạm Y tế Phú Sơn

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
11	Trạm Y tế Lam Sơn: 01 Lê Thị Hoa, phường Hạc Thành	715	349	698	698		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/5/2006 do UBND TP Thanh Hóa cấp cho Trường Mầm non Lam Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Giấy chứng nhận đang của Trường Mầm non Lam Sơn, chưa sang tên cho Trạm Y tế Lam Sơn
12	Trạm Y tế Quảng Thắng: 06 Lê Hưng, phường Đông Quang	2.101	210	457	457		Trích đo địa chính năm 2014 do UBND phường Quảng Thắng cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Điện Biên: 66 Tô Hiến Thành, phường Hạc Thành	467,4	200	400	400		Trích đo địa chính năm 2008 do UBND phường Điện Biên cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Đông Hương: Tổ dân phố Phan Đình Phùng, phường Hạc Thành	1.378,7	202	404	404		Trích đo địa chính do UBND Phường Đông Hương cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Nam Ngạn: đường Trần Khánh Dư, phường Hàm Rồng	346	133	229,6	229,6		Trích bản đồ kỹ thuật số 2011 ngày 04/9/2019 của UBND phường Nam Ngạn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Ba Đình: 59 Hàn Thuyên, phường Hạc Thành	202	144,3	122,6	122,6		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/5/2006 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Đông Hải: Mặt bằng 199 KĐT Đông Hải, phường Hạc Thành	982,98	295	549	549		Trích đo địa chính do UBND Phường Đông Hải cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Đông Cương: 03 Lê Thành, phường Hàm Rồng	2.552,9	859	1.349	1.349		Trích đo địa chính do UBND phường Đông Cương cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Tào Xuyên: Phố Phụng Đình 1, phường Nguyệt Viên	3.947	286	286	286		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 417257 ngày 09/9/2007 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Long Anh: Phố Nhữ Xá 1, phường Nguyệt Viên	1.937	280	280	280		Trích đo địa chính do UBND phường Long Anh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Quảng Thịnh: Phố Gia Lộc, phường Quảng Phú	1.511	177	354	354		Trích đo địa chính do UBND phường Quảng Thịnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Quảng Tâm: Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá	1.215	233,3	466,6	466,6		Trích đo địa chính do UBND phường Quảng Tâm cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
23	Trạm Y tế Quảng Phú: Phố 6, phường Quảng Phú	592	250	500	500		Trích đo địa chính do UBND phường Quảng Phú cấp năm 2016	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Đông Tân: 270 Nguyễn Đình Thuần, phường Đông Sơn	1.379	200	400	400		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00203 ngày 13/4/2005 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Thiệu Dương: Số 17 đường Dương Xá, phường Hàm Rồng	1.151,4	450	750	750		Trích đo địa chính ngày 27/8/2021 do UBND phường Thiệu Dương cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
26	Trạm Y tế Quảng Cát: Phố 5, phường Quảng Phú	2.180	300	500	500		Trích đo địa chính năm 2019 do UBND phường Quảng Cát cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
27	Trạm Y tế Thiệu Vân: Thôn 5 Thiệu Vân, phường Đông Tiến	1.910	293	511	511		Trích đo địa chính do UBND xã Thiệu Vân cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Thiệu Khánh: Thôn Đình Xá, phường Đông Tiến	710	320	320	320		Trích đo địa chính ngày 03/9/2019 do UBND xã Thiệu Khánh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
29	Trạm Y tế An Hưng: Phố Quang, phường Đông Quang	1.167,9	500	500	500		Trích đo địa chính ngày 20/11/2019 do UBND phường An Hưng cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
30	Trạm Y tế Đông Vinh: Tổ dân phố Văn Khê, phường Đông Quang	1.856	580	715	715		Trích đo địa chính ngày 03/9/2019 do UBND xã Đông Vinh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
31	Trạm Y tế Quảng Đông: Phố Đông Quang, phường Quảng Phú	2.382	195	310	310		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00953 ngày 05/8/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
32	Trạm Y tế Đông Lĩnh: Phố Quyết, phường Đông Tiến	1.566	320	520	520		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 889751 ngày 13/4/2005 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
33	Trạm Y tế Hoàng Đại: Phố Đồng Tiến, phường Nguyệt Viên	1.531	214	214	214		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4318 ngày 25/4/2005 do UBND huyện Hoảng Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
34	Trạm Y tế Rừng Thông: Khu phố Đông Xuân, phường Đông Sơn	930	450	450	450		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00269	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
35	Trạm Y tế Đông Hoàng: Tổ dân phố Hoàng Học, phường Đông Sơn	2.061,3	400	1.661,3	1.661,3		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02534	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
36	Trạm Y tế Đông Ninh: Phố Thành Huy, phường Đông Sơn	4.044,2	550	800	800		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
37	Trạm Y tế Đông Khê: Tổ dân phố Thạch Khê Tiên, phường Đông Sơn	1.939,3	350	620	620		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
38	Trạm Y tế Đông Hoà: Tổ dân phố Phú Minh, phường Đông Sơn	2.818,3	426	462,24	462,24		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
39	Trạm Y tế Đông Yên: Phố Yên Bằng, phường Đông Quang	1.682,5	320	640	640		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03177	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
40	Trạm Y tế Đông Minh: Tổ dân phố 4, phường Đông Sơn	1.600	340	630	630		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
41	Trạm Y tế Đông Thanh: Tổ dân phố Ngọc Tích, phường Đông Tiến	2.283,92	881,85	1.128	1.128		Chưa có trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
42	Trạm Y tế Đông Tiến: Tổ dân phố Triệu Xá 1, phường Đông Tiến	1.720	250	500	500		Chưa có trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
43	Trạm Y tế Đông Thịnh: Tổ dân phố Đại Từ 1, phường Đông Sơn	2.514	405	1.814	1.814		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00196	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
44	Trạm Y tế Đông Văn: Phố Văn Trung, phường Đông Quang	2.457	250	500	500		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02961	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
45	Trạm Y tế Đông Phú: Tổ dân phố Phú Bình, phường Đông Quang	3.471,6	315	569	569		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02975	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
46	Trạm Y tế Đông Nam: Phố Tân Chính, phường Đông Quang	2.518,5	450	750	750		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02612	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
47	Trạm Y tế Đông Quang: Tổ dân phố 3 Thịnh Trị, phường Đông Quang	3.288	325	345	345		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02673	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXXVIII	Trung tâm Y tế Nghi Sơn											

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Trung tâm Y tế Nghi Sơn: Tổ dân phố Thượng Nam, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	3.600	568	1.576	1.576	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Thanh Sơn: Tổ dân phố Trung Sơn, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.630	380	380	380	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Thanh Thủy: Tổ dân phố Tào Sơn, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.360	380	380	380	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Hải Châu: Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	888,4	400	713	713	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Hải Ninh cơ sở 1: Tổ dân phố Hồng Kỳ, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2.018	430	860	860	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Ngọc Lĩnh: Tổ dân phố 14, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa	2.523	306	522	5220	5	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Hải An: Tổ dân phố 3, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa	1.702	485,68	668,44	668,44	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Tân Dân: Tổ dân phố Thanh Minh, phường Tân Dân, tỉnh Thanh Hóa	1.663	376	592	401,8	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Định Hải: Tổ dân phố Hồng Quang, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa	2.402,1	369	619	619	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Hải Lĩnh: Tổ dân phố Hồng Phong, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa	2.676,3	478,3	694,3	694,3	4	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Ninh Hải: Tổ dân phố Đại Tiến, phường Hải Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa	1.947,3	210	210	210	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Hải Nhân: Tổ dân phố Đồng Tâm, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	1.701,5	382,5	382,5	382,5	5	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Hải Hòa cơ sở 1: Tổ dân phố 6, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	1.032,1	239	239	239	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
14	Trạm Y tế Bình Minh: Tổ dân phố Yên Cầu, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	2.417,5	391,6	711,6	711,6	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Hải Thanh: Tổ dân phố Quang Minh, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	1.645,5	270	450	430	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Các Sơn cơ sở 1: Cơ sở 1: Thôn Đông, xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.985	485	485	485	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Anh Sơn: Thôn Kiếu, xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.049,7	387,1	387,1	387,1	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Nguyên Bình cơ sở1: Tổ dân phố Quyết Thắng, phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa	1.928,4	244	462	462	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Xuân Lâm: Tổ dân phố Sa Thôn, phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa	1.338,5	376,6	376,6	376,6	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Trúc Lâm: Tổ dân phố Hữu Lộc, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa	689,4	351,3	605,89	605,89	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Tùng Lâm: Tổ dân phố Trường Sơn 2, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa	2.775,19	351,3	605,89	605,89	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Phú Sơn: Tổ dân phố Trung Sơn, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa	2.178,3	360,4	576,4	576,4	4	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Phú Lâm: Tổ dân phố Trường Sơn, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa	1.370,5	399,7	399,7	368,5	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Hải Bình: Tổ dân phố Tiên Phong, Phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa	963,1	203,99	407,99	407,99	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Mai Lâm: Tổ dân phố Hữu Lại, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa	2.366,7	409	594	594	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
26	Trạm Y tế Tĩnh Hải: Tổ dân phố Thắng Hải, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa	1.369,5	250	395	395	5	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
27	Trạm Y tế Hải Thượng: Tổ dân phố Liên Trung, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.377,9	406,8	406,8	406,8	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Hải Hà: Tổ dân phố Hà Nam, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	945,7	307,6	307,6	277,6	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
29	Trạm Y tế Nghi Sơn cơ sở1: Tổ dân phố Nam Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.034,3	329	658	658	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
30	Trạm Y tế Tân Trường: Thôn 7, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	1.483,4	290,3	290,3	290,3	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
31	Trạm Y tế Trường Lâm: Thôn Trường Cát, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	3.055,5	478,1	634,2	634,2	7	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXXIX	Trung tâm Y tế Sầm Sơn											
1	Trung tâm Y tế Sầm Sơn: 286 Lê Lợi, phường Sầm Sơn	2.000	734,39	2.436,28	2.436,28		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 044728 tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 02	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Trường Sơn: 01 đường Cẩm Bá Thước, phường Sầm Sơn	1.751,64	399,2	594	594		Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND TP Sầm Sơn về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TĐC Đồng Ấp, Đồng Eo, phường Trường Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Trung Sơn: 347 Nguyễn Trãi, Tổ dân phố Khanh Tiến, phường Sầm Sơn	1.574,7	328,75	454,99	454,99		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước số 086385 tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 05	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Bắc Sơn: Tổ dân phố Lập Công, phường Sầm Sơn	1.361,2	321,5	571,5	571,5			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Quảng Tiến: 143 Trần Hưng Đạo, phường Sầm Sơn	1.867	360,6	522,6	522,6			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Quảng Châu: Tổ dân phố An Chính, phường Sầm Sơn	2.997,5	754	1340	1340			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục	Khoản 1 Điều 10 Nghị định	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
										sử dụng	03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Quảng Thọ: Tổ dân phố Đồn Trại, phường Sầm Sơn	1.630	340,5	537	537		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796231, thửa 960, tờ bản đồ 3, số vào sổ CT 00308	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Quảng Vinh: Tổ dân phố Xuân Thượng, phường Nam Sầm Sơn	2.208,4	302,435	482,555	482,555		Theo bản đồ địa chính đo năm 2015, thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 10	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Quảng Minh: Thôn Đà Trung, phường Nam Sầm Sơn	1.335,7	237,73	441,58	441,58			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Quảng Cư: 288 Hoàng Hoa Thám, Tổ dân phố Thanh Thái, phường Sầm Sơn	2.766,57	344,52	522,02	522,02			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Đại Hùng (Trạm Y tế xã Quảng Hùng cũ): Thôn 3, phường Nam Sầm Sơn	2.251	384,11	768,22	768,22			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XL	Trung tâm Y tế Triệu Sơn											
1	Trung tâm Y tế Triệu Sơn: 150 Lê Thái Tổ, thôn Tân Minh, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	3.300	886,6	2.037,6	2.037,6	8	Biên bản bàn giao mốc giới quy hoạch sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế An Nông: Thôn Vĩnh Thọ, xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa	1.545	455	455	432	6	Trích vị trí khu Đất cơ sở y tế An Nông ngày 13/05/2016 tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 277, bản đồ địa chính xã An Nông lập năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Đồng Tiến: Thôn Đồng Xá 2, xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.825,8	344	613	268	2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BR 615574 ngày 08/01/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; thửa đất số 345 tờ bản đồ địa chính số 14, đo vẽ năm 2010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
4	Trạm Y tế Xuân Lộc cơ sở 1: Thôn Yên Trinh, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	2.603,7	250	250	250	2	Trích sơ đồ Đất cơ sở y tế Xuân Lộc, ký hiệu khu đất: DYT 1648/2603.7 m² ngày 18/05/2018 của UBND xã Xuân Lộc	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Xuân Lộc cơ sở 2: Thôn Hùng Cường, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	602,9	200	280	280	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615320 ngày 13/12/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; thửa đất số 546 tờ bản đồ địa chính số 08, đo vẽ năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thái Hòa: Thôn Thái Lai, xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa	885,2	364	364	364	2	Bản Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 769, tờ bản đồ địa chính số 21, lập ngày 25/09/2019 của UBND xã Thái Hòa	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Thọ Phú cơ sở 1: Số 19, Đường Lê Lộng, Thôn Man Thôn, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	1.591,7	350	510	510	8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923922 ngày 16/10/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; thửa đất số 924 tờ bản đồ địa chính số 08, đo vẽ năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Thọ Cường: Thôn 14, Xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	3.700	572	572	547	4	Trích lục bản đồ địa chính khu đất thực hiện trích từ tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã Thọ Cường lập năm 2011; Giấy xác nhận Trạm Y tế Xã Thọ Cường chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp của UBND Xã Thọ Cường xác nhận ngày 24/05/2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
9	Trạm Y tế Thọ Bình: Thôn 12, Xã Thọ Bình, tỉnh Thanh Hóa	3.242.5	355	355	355	7	Bản trích lục bản đồ địa chính xã Thọ Bình khu Trạm Y tế xã Thọ Bình; Số hiệu thửa đất: 493, tờ bản đồ số 28 lập ngày 02/08/2024 của UBND xã Thọ Bình; Giấy xác nhận Trạm Y tế xã Thọ Bình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp của UBND xã Thọ Bình xác nhận ngày 11/06/2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Thọ Dân: Số nhà 346 Quốc lộ 47 thôn Hà Lũng Hạ, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	1.667.6	360	360	300	4	Trích bản vẽ vị trí khu đất trên nền bản đồ địa chính xã Thọ Dân, thửa đất số 1205, tờ bản đồ số 09 lập năm 2024 của UBND xã Thọ Dân	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Minh Sơn: Thôn 2 Minh Sơn, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.444	950	950	950	2	Giấy xác nhận Trạm Y tế xã Minh Sơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã Minh Sơn và Ban địa chính xác nhận ngày 26/09/2019; thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã Minh Sơn đo đạc năm 2015	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Thọ Thế: Số 304 QL47A, thôn Kịch Thôn, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	1.560.6	660	500	500	3	Trích lục bản đồ địa chính, thửa đất số 707, tờ bản đồ số 8; lập ngày 18/07/2024 của UBND xã Thọ Thế	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Vân Sơn: Thôn 6 xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa	1.502.3	370	620	570	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 012784 ngày 19/06/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; thửa đất số 588, tờ bản đồ địa chính số 18, đo vẽ năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
14	Trạm Y tế Triệu Sơn: Tổ dân phố Giắt, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.198.8	428	428	428	6	Sơ đồ thửa đất Trạm Y tế thị trấn Triệu Sơn, tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 30, lập ngày 21/08/2019 của UBND thị trấn Triệu Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Hợp Thắng: Số 24 thôn Đồng Khang, xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa	2.186.8	510	510	366	4	Trích bản đồ địa chính xã Hợp Thắng khu vực Trạm Y tế, thửa đất số 366, tờ bản đồ số 20 của UBND xã Hợp Thắng	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Thọ Ngọc: Thôn 6 xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	2.029.6	280	480	480	3	Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và đề xuất phương án xử lý lập ngày 03/04/2012 có xác nhận của UBND xã Thọ Ngọc; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, bản vẽ sơ đồ nhà đất số 05, thửa đất số 88 đo ngày 04/04/2012	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Dân Lý: Số 383, Thôn Phố Thiệu, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1.179	280.41	280,41	243,21	7	Trích vị trí khu đất công trình Trạm Y tế xã Dân Lý lập năm 2024 của phòng Tài Nguyên Môi Trường Triệu Sơn, tại tờ bản đồ số 10, thửa đất số 31, bản đồ địa chính xã Dân Lý đo vẽ năm 2010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Thọ Tân: Thôn Quan Thành, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	2.649,7	406,2	406,2	328,24	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615331 ngày 13/12/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; thửa đất số 25, tờ bản đồ địa chính số 16, đo vẽ năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
19	Trạm Y tế Nưa: Số 14 ngõ 7 đường Triệu Quốc Đạt, xã Tân Ninh, tỉnh Thanh Hóa	1.803,7	445	830	581,76	4	Trích lục bản đồ địa chính khu đất Trạm Y tế Thị trấn Nưa, thửa đất số 795, tờ số 28 lập năm 2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn; Giấy xác nhận Trạm Y tế Nưa chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/08/2025 của UBND xã Tân Ninh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Hợp Tiến: Thôn 2 xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa	5.718	396,2	328,24	328,24	3	Sơ đồ khu đất Trạm Y tế xã Hợp Tiến, tại thửa đất số 902, tờ bản đồ số 12, Đo vẽ năm 2011. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Dân Lực: Thôn Thị tứ, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	9.655	355	355	321	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 008938 ngày 26/02/1990 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp tại tờ bản đồ số 5, thửa đất số 1218, 1219, 1154, 1155, 1156, 1158	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Thọ Sơn: Thôn 18 xã Thọ Bình, tỉnh Thanh Hóa	983,2	646	598	598	4	Trích lục bản đồ địa chính Trạm Y tế Thọ Sơn, số thửa đất: 96, tờ bản đồ số 17; Bản đồ địa chính xã Thọ Sơn đo vẽ năm 2012, trích lục lập ngày 30/07/2024 xác nhận của ban địa chính và UBND xã Thọ Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Nông Trường: Thôn 3, xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa	2.697,1	315	315	315	2	Trích lục bản đồ địa chính Trạm Y tế xã Nông Trường, số thửa đất: 926, tờ bản đồ số 13; trích lục lập ngày 04/05/2021 xác nhận của UBND xã Nông Trường	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
24	Trạm Y tế Hợp Thành; Thôn Diễn Đông, xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.122,4	570	920	880	4	Giấy xác nhận Trạm Y tế Xã Hợp Thành đang sử dụng đất tại thửa đất số 823, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã Hợp Thành lập năm 2011 (có bản trích lục bản đồ địa chính thửa đất Trạm Y tế kèm theo lập ngày 20/05/2018) của UBND xã Hợp Thành	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Đồng Lợi: Thôn Long Vân, xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.162,8	646	587	537	2	Trích lục vị trí thửa Đất cơ sở y tế xã Đồng Lợi, thửa đất số 942, tờ bản đồ số 11 do đạc năm 2010 có xác nhận của cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã Đồng Lợi ngày 15/03/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
26	Trạm Y tế Đồng Thắng: Thôn Đại Đồng 2, xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.669,2	469	423	373	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa Đất cơ sở y tế xã Đồng Thắng, thửa đất số 938, tờ bản đồ số 10, có xác nhận của cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã Đồng Thắng năm 2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
27	Trạm Y tế Thọ Phú cơ sở 2: Thôn 3, xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa	806	305	450	450	8	Trích lục bản đồ địa chính thửa Đất cơ sở y tế xã Thọ Phú, thửa đất số 683, tờ bản đồ số 11, có xác nhận của cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã Thọ Phú ngày 26/08/2021	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Hợp Lý: Thôn Quang Thanh, xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.670,2	370	300	300	4	Trích bản đồ địa chính thửa Đất cơ sở y tế xã Hợp Lý, thửa đất số 215, tờ bản đồ số 37, có xác nhận của cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã Hợp Lý	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
29	Trạm Y tế Xuân Thọ: Thôn 4, xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	2.463,9	290	400	400	7	Giấy xác nhận Trạm Y tế Xuân Thọ hiện đang sử dụng diện tích đất 2463.9 m² ổn định và không có tranh chấp ngày 06/08/2025 của UBND xã Thọ Ngọc; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất Trạm Y tế xã Xuân Thọ thửa đất số 86, tờ bản đồ số 54 (số 12 cũ), lập ngày 18/08/2016 có xác nhận của cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã Xuân Thọ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
30	Trạm Y tế Thọ Tiến: Số 22 thôn 25 xã Thọ Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	950,9	372	372	357	4	Giấy xác nhận Trạm Y tế xã Thọ Tiến hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/09/2019 của ban địa chính và UBND xã Thọ Tiến; Trạm Y tế Thọ Tiến thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã Thọ Tiến đo đạc năm 2012	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
31	Trạm Y tế Bình Sơn: Thôn Thoi, xã Thọ Bình, tỉnh Thanh Hóa	4.076,3	400	400	390	5	Giấy xác nhận Trạm Y tế xã Bình Sơn hiện đang quản lý diện tích đất: 4076.3m2 theo bản đồ địa chính xã Bình Sơn năm 2012, tờ bản đồ số 15, thửa đất số 463; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện đất không có tranh chấp. Giấy xác nhận cấp ngày 12/05/2024 của cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND xã Bình Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
32	Trạm Y tế Khuyến Nông: Thôn Quần Thanh 2, xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa	2.481,5	470	470	400	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923548 ngày 22/08/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; thửa đất số 1323, tờ bản đồ số 15, đo vẽ năm 2010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
33	Trạm Y tế Tiến Nông: Thôn Hòa Triều, Xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa	1.992,9	420	420	420	3	Trích lục bản đồ địa chính khu đất Trạm Y tế xã Tiến Nông, thửa đất số 245; tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã Tiến Nông năm 2010 cấp ngày 04/05/2020 xác nhận của cán bộ địa chính và UBND xã Tiến Nông	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
34	Trạm Y tế Dân Quyền: Số nhà 114ĐLX thôn 5 Dân Quyền, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.412,3	575	575	575	6	Giấy xác nhận Trạm Y tế Xã Dân Quyền chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp của UBND Xã Dân Quyền cấp ngày 11/06/2024; tờ bản đồ số 20, thửa đất số 61	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
35	Trạm Y tế Triệu Thành: Thôn Cát Lợi, xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa	2.736,4	260	360	300	5	Trích lục sơ đồ thửa đất Trạm Y tế Triệu Thành, thửa đất số 425, tờ bản đồ số 21, đo vẽ năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLI	Trung tâm Y tế Hà Trung											
1	Trung tâm Y tế Hà Trung: Thôn Phú Nham, xã Hà Trung	3.914,3	739,97	2083,67	2083,67	Nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà trạm bơm; san nền, kè đá; sân, đường nội bộ, cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải; cấp điện, chiếu sáng; hệ thống cống, tường rào, bể nước ngầm...	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00216737 ngày 06/3/2025 của UBND tỉnh cấp theo thửa đất số 960, tờ bản đồ số 21	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
2	Trạm Y tế Hà Long: Thôn Hoàng Vân, xã Hà Long	5.120	3220	250	500		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 088581/QSDĐ/UBND huyện Hà Trung cấp ngày 26/4/2005 theo thửa số 244, tờ bản đồ số 39a	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hà Giang: Thôn Quan Chiêm, xã Hà Long	881	138	138	138	Khu vệ sinh, nhà kho, nhà để xe	Thửa số 91, Tờ bản đồ số 15	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Hà Tân: Thôn Tam Quy, xã Tống Sơn	1.177	375	375	375	Tường rào, vườn đồng y, bể nước, sân bê tông	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00307/QSDĐ/1610/QĐ-UB	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Hà Tiến: Thôn Đồng Ô, xã Tống Sơn	3.665	600	560	420	Bể nước mưa, tường rào, nhà phân loại rác, nhà xe	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00439/QSDĐ/2529/QĐ-UB ngày 10/8/2004 của UBND tỉnh cấp theo thửa đất số 155, vị trí số 17	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Hà Bắc: Thôn Song Nga, xã Hà Bắc	2.558	660	1070	1070	Tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00438/QSDĐ/2529/QĐ-UB ngày 10/8/2004 của UBND tỉnh cấp theo thửa số 35, tờ bản đồ số 10, 11	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Yên Dương: Thôn Đoài Thôn, xã Hoạt Giang	2.100	334	552	552	Tường rào	Chưa có giấy cấp quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Hà Bình: Thôn Xuân Áng, xã Hoạt Giang	2.390	318	390	453	Tường rào, khu nhà vệ sinh, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 451850/UBND	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Hà Sơn: Thôn Quý Tiến, xã Tống Sơn	4.546	369,3	574	574	Nhà bếp, nhà kho, sân vườn, tường rào, giếng khoan, hệ thống lọc nước	Chưa cấp quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Hà Đông: Thôn Kim Tiên, xã Hà Trung	1.187	330	330	330	Tường rào, bể nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923477	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Trạm Y tế Quảng Bình: Số 116 QL1A, thôn Công Trúc, xã Quảng Bình	7.828	532	685	685	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 284364 ngày 31/12/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa cấp; Hồ sơ thiết kế BVTC; Hồ sơ dự toán thẩm tra công trình Trạm Y tế Quảng Bình	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trung tâm Y tế Quảng Xương	3.050,5	243	729	729		Trích lục bản đồ địa chính khu đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trung tâm Dân số cũ	295	143	286	286		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Quảng Chính: Số 99A QL1A, thôn Thanh Xuân, xã Quảng Chính	1.800	275,73	551,46	551,46	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796240 ngày 30/5/2013; Hồ sơ bản vẽ hoàn công tháng 9/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Quảng Đức: Thôn 8 Tiền Thịnh, xã Lưu Vệ	2.528,2	465	641	641		Trích sao bản đồ địa chính xã Lưu Vệ; Hồ sơ thiết kế mẫu Trạm Y tế 2015 của Cty CP XD Đồng Hưng	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Quảng Định: Số 34 đường số 8, thôn Thượng Đình 3, xã Lưu Vệ	1.330	240	450	450	2	Trích lục bản đồ địa chính 2024; Biên bản 01/BB-UBND ngày 28/10/2016 bàn giao đất; Báo cáo rà soát có xác nhận UBND xã	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Quảng Giao: Số 05 ngõ 93 tỉnh lộ 511, tổ dân phố 6 Quảng Giao, phường Nam Sầm Sơn	1.431,7	276,1	474,8	355		Trích đo bản đồ địa chính năm 2015; Hồ sơ bản vẽ thi công Viện Quy hoạch Kiến trúc Thanh Hóa	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Quảng Hải: Số 132 đường 4B, thôn Đại, xã Quảng Ninh	1.406	483,54	913,47	913,47	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM284138 ngày 10/7/2008; Hồ sơ xây dựng nhà năm 2012; Hồ sơ thiết kế Cty TVĐTXD Quảng Xương I năm 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
9	Trạm Y tế Quảng Hợp: Số 03 đường Ủy ban - Hợp Lực, thôn Phương Cơ, xã Quảng Ngọc	2.418	220,08	380,16	300	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK417384 ngày 13/3/2008; Hồ sơ thiết kế Trạm Y tế năm 2007 của Cty Hoàng Đãi	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Quảng Hòa: Số 252 đường Tri Hoà - Quảng Long, thôn 3, xã Quảng Yên	908,1	209	418	418		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU696104 ngày 15/7/2014; Hồ sơ thiết kế BVTC chương trình MTQG NTM 2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Quảng Khê: Số 207 đường ĐH-QX 11, thôn 1, xã Quảng Chính	2.500	240	480	480	3	Trích đo bản đồ địa chính Trạm Y tế ngày 03/9/2019; Hồ sơ báo cáo KTKT của Cty CP tư vấn xây dựng Việt	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Quảng Lộc: Số 200 đường 4A, thôn Nga Linh, xã Quảng Bình	1.720	216	420	420	2	Bản đồ địa chính xã Quảng Lộc năm 2002 (thửa 491, tờ bản đồ 5)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Quảng Long: Thôn Long Đông Thành, xã Quảng Yên	2.022,7	290,6	441,2	488		Trích đo bản đồ địa chính xã Quảng Long 2015; Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Trạm Y tế	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Quảng Lưu: Số 199 đường TL511, thôn Hiền Tây, xã Quảng Bình	2.000	356	712	712	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923315 ngày 30/7/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Quảng Ngọc: Số 60A đường tỉnh lộ 504, thôn Uy Bắc, xã Quảng Ngọc	2.300,7	330	613	613	3	Trích sao bản đồ địa chính xã Quảng Ngọc 2015; Biên bản bàn giao tài sản công ngày 31/12/2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Quảng Nham: Số 03, ngõ 228 đường 4C, thôn Thanh, xã Tiên Trang	1.681	336	510	510	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR615869 ngày 26/02/2014; Hồ sơ hoàn công Cty CP tư vấn APT	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Quảng Nhân: Số 05 đường số 2, thôn 1, xã Quảng Ninh	3.255,8	200	400	400	4	Trích lục bản đồ địa chính xã Quảng Nhân 2013; Hồ sơ xây dựng Cty CP tư vấn Sông Mã Thanh Hóa	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
18	Trạm Y tế Quảng Ninh: Thôn Ninh Dụ, xã Quảng Ninh	3.305,2	407,24	407,24	407,24	2	Trích đo bản đồ địa chính 2002; Hồ sơ xây dựng công trình do Cty CP XD Thăng Long 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Quảng Phúc cơ sở 1: Đường ĐH-QX 06, thôn Phúc Tâm, xã Quảng Ngọc	1.726,5	200	400	400	3	Phiếu đo đạc hiện trạng năm 2015; Hồ sơ xây dựng Công ty Him Lam 2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Quảng Thái: Số 98 đường số 10, thôn 7, xã Quảng Bình	2.771,7	306	582	582	2	Trích bản đồ địa chính xã Quảng Thái 2015; Hồ sơ xây dựng Cty Phú Giang 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Quảng Thạch: Số 05 đường số 30, thôn Ngọc Lâm, xã Tiên Trang	2.611	220	422	360		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR615762 ngày 24/02/2014; Hồ sơ hoàn công 2023 Cty CP XD Thăng Long	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Quảng Trạch: Số 129 đường Tân Trạch, thôn Câu Đồng, xã Quảng Yên	1.820,3	427,2	854,4	852		Trích đo thửa đất 2013; QĐ 1020/QĐ-UBND 28/4/2014 phê duyệt KTKT; Hồ sơ thiết kế công trình Cty Hưng Thịnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Quảng Trường: Số 79 ĐH Khê Ngọc, thôn Phú Cường, xã Quảng Chính	3.800	348	576,7	576,7	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN796110 ngày 07/5/2013; Trích lục bản đồ địa chính 2024; Hồ sơ hoàn công 2016 Cty TNHH Nam Thọ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Quảng Trung: Thôn Ngọc Trà 1, xã Quảng Chính	850	331,6	587,6	587,6	4	Trích sơ đồ khu đất Trạm Y tế; Hồ sơ thiết kế điều chỉnh Cty CP TVXD Bắc Miền Trung	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Quảng Văn: Số 273 đường 504, thôn Yên Hưng, xã Quảng Ngọc	2.740	213	344	344		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN796149 ngày 10/5/2013; Hồ sơ hoàn công 2006; Biên bản bàn giao 2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
26	Trạm Y tế Quảng Yên: Thôn Trung Đào, xã Quảng Yên	1.692,7	311	563	563		Trích lục bản đồ địa chính; Quyết định số 19b/QĐ-UBND 03/6/2013; Quyết định số 138/QĐ-UBND 23/11/2023 phê duyệt sửa chữa Trạm Y tế	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
27	Trạm Y tế Tiên Trang cơ sở 1: Số 90 đường ngã 5-4C, thôn Hồng Phong, xã Tiên Trang	1.518,3	280	550	550		Bản đồ đo đạc hiện trạng; Hồ sơ thiết kế Cty TNHH tư vấn thiết kế Zena 2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Tân Phong cơ sở 1: Đường Lê Hồng Thịnh, Tổ dân phố Đông Đa 2, xã Lưu Vệ	2.662	291,45	217,45	217,45	0	Trích lục bản đồ địa chính 26/5/2023; Hồ sơ hoàn công Cty TNHH Sao Đỏ 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLIII	Trung tâm Y tế Như Thanh											
1	Trung tâm Y tế Như Thanh: Khu phố Kim Sơn, xã Như Thanh	3.258	564,5	1414,5	1414,5	13	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796280 ngày 12/6/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Cán Khê: Thôn 3, xã Xuân Du	1.495,8	427	427	427	8	Trích đo đất; Hồ sơ thiết kế nhà Trạm Y tế Cán Khê năm 2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Xuân Du: Thôn 4, xã Xuân Du	2.457,7	295	464	464	4	Trích lục đất; Hồ sơ nhà 2 tầng năm 2020; Không có hồ sơ nhà 1 tầng	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Phượng Nghi: Thôn Bái Đa 1, xã Xuân Du	1.062,9	260,661	467,865	467,865	4	Trích lục đất; Hồ sơ nhà năm 2022	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Mậu Lâm: Thôn Bái Gạo 2, xã Mậu Lâm	2.158	339	519	519	6	Trích lục đất; Hồ sơ nhà 2 tầng năm 2016; Hồ sơ nhà 1 tầng không có	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Phú Nhuận: Thôn Đồng Sinh, xã Mậu Lâm	1.597	446,67	446,67	446,67	8	Trích lục đất; Hồ sơ thiết kế nhà Trạm Y tế Phú Nhuận năm 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Hải Long: Thôn Hải Hòa, xã Như Thanh	2.127,3	222	222	444	13	Trích lục đất; Không có hồ sơ Nhà	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Xuân Khang: Thôn Đồng Hơ, xã Như Thanh	2.058	199	288	79		Trích lục đất; Hồ sơ nhà năm 2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
9	Trạm Y tế Bến Sung: Khu phố Đồi Dẽ, xã Như Thanh	889	291,45	291,45	291,45	9	Trích lục đất; Hồ sơ thiết kế Trạm Y tế thị trấn Bến Sung năm 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Xuân Thái: Thôn Cây Nghĩa, xã Xuân Thái	3.494,2	508	508	508	6	Chưa có trích lục đất; Không có hồ sơ Nhà	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Xuân Phúc: Thôn Trại Quan, xã Yên Thọ	2.131	250	350	350	4	Trích lục đất; Hồ sơ nhà năm 2016	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Yên Thọ: Thôn Tân Thịnh, xã Yên Thọ	849,8	355,2	355,2	355,2	7	Chưa có trích lục đất; Hồ sơ thiết kế Trạm Y tế Yên Thọ năm 2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Yên Lạc: Thôn Ba Cồn, xã Yên Thọ	1.666	333,7	400	286,5	10	Trích lục đất; Hồ sơ thiết kế nhà Trạm Y tế Yên Lạc tháng 4/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Thanh Tân: Thôn Hợp Nhất, xã Thanh Kỳ	2.797,7	506	506	506	9	Trích lục đất; Hồ sơ thiết kế nhà Trạm Y tế Thanh Tân năm 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Thanh Kỳ: Thôn Thanh Trung, xã Thanh Kỳ	1.995	500	500	500	7	Trích lục đất; Hồ sơ nhà khám bệnh; Hồ sơ nhà điều trị thất lạc	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLIV	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy											
1	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy: Thôn Đại Quang, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	3.659	1458	1458	1458		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 420598 ngày 07/8/2009	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy: Thôn Đại Quang, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	597,8	248	248	248			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Cẩm Thành: Thôn Chiềng Chanh, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa	1.041	300	300	300	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065246	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Cẩm Thạch: Thôn Vàn Thung, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa	2.673	395	395	395	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065221	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Cẩm Liên: Thôn Ngọc Dũng, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa	4.107,2	256,4	256,4	256,4	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, sân vườn, vườn thuốc nam	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
6	Trạm Y tế Cẩm Lương: Thôn Kim Mắm, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	2.342,55	386	386	386	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Cẩm Bình: Thôn Sẻ, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa	2.291,4	248	248	248	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065132	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Cẩm Châu: Thôn Trung Độ, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa	4.420	480	460	460	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Cẩm Tâm: Thôn Thành Công, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa	5.202	379	379	379	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Cẩm Yên: Thôn Ngọc Vóc, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa	1.534	273,8	273,8	273,8	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00130	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Cẩm Vân: Thôn Đồi Chông, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa	3.267	442,5	885	885	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065327	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Cẩm Tân: Thôn Phúc Tân, xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa	3.683,9	504	504	504	Giếng, tường rào, nhà để xe	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 012312	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Cẩm Phú: Thôn Tiến Long, xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa	2.638,6	196	196	196	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 064773	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Cẩm Long: Thôn Tiến Long, xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa	2.776	420	420	420	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065184	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Cẩm Ngọc: Thôn Kim, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	3.788,4	1000	1000	1000	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà kho, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Phong Sơn: Thôn Dương Đình Huệ, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	1.902,2	627,1	558	558	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
17	Trạm Y tế Cẩm Tú: Thôn Lương Thành, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	1.976,14	291,81	291,81	291,81	Nước sạch, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Cẩm Quý: Thôn Quý Trung, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	2.954	268	448,2	448,2	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00130	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Cẩm Giang: Thôn Giang Trung, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	2.685	337,9	337,9	337,9	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00064	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLV	Trung tâm Y tế Ngọc Lặc											
1	Trung tâm Y tế Ngọc Lặc: Số 17 đường Lê Hoàn, xã Ngọc Lặc	3.292	1.565	2.991	2.991		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Kiên Thọ: Làng Ba Si, xã Kiên Thọ	2.904,9	420	420	420	6	Sơ đồ vị trí thửa đất (thửa số 874, tờ bản đồ 17, đo năm 2006); Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới 70 Trạm Y tế xã; Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 05/8/2023 điều chỉnh dự án	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Ngọc Sơn: Thôn Thanh Sơn, xã Ngọc Liên	1.581,8	345,92	345,92	315,84	9	Trích đo (thửa 525, 502; tờ bản đồ 18 xã Ngọc Sơn)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Minh Sơn: Thôn Minh Châu 2, xã Minh Sơn	1.332,2	464	624	624	5	Trích đo (thửa 101, tờ bản đồ 25 xã Minh Sơn, đo năm 2006)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Quang Trung: Thôn Bái E, xã Thạch Lập	1.180,1	120	240	240	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923264 cấp ngày 25/7/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Phúc Thịnh: Làng Bái, xã Kiên Thọ	2.706,2	396	526,7	526,7	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696219 cấp ngày 29/8/2014; Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 phê duyệt KT-KT công trình Trạm Y tế xã Phúc Thịnh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
7	Trạm Y tế Cao Ngọc: Làng Ngọc Mùn, xã Minh Sơn	2.887,9	244,74	734,22	612,6	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923195 ngày 22/7/2013; Hồ sơ hoàn công công trình Trạm Y tế xã Cao Ngọc	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Vân Am: Thôn Âm, xã Nguyệt Ấn	1.386	255	255	196	9	Xác nhận UBND xã Vân Am ngày 12/12/2016, thửa 236 tờ bản đồ 21	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Lộc Thịnh: Thôn Lộc Tiên, xã Ngọc Liên	2.143,7	379,16	379,16	379,16	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923493 ngày 20/8/2013; Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 13/5/2024; Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 điều chỉnh dự án xây mới 70 Trạm Y tế xã	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Ngọc Lạc: Thôn Tran, xã Ngọc Lạc	2.747,3	304,2	246,36	246,36	9	Hồ sơ thiết kế công trình Nhà tạm lánh Trạm Y tế xã Ngọc Khê năm 2016	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Phùng Minh: Làng Cốc, xã Kiên Thọ	5.106	340	550	550	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615722 ngày 17/02/2014; Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 phê duyệt kinh tế - kỹ thuật công trình Trạm Y tế xã Phùng Minh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Nguyệt Ấn: Thôn Liên Cơ, xã Nguyệt Ấn	994	208,8	417,6	417,6	8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923178 ngày 19/7/2013; Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 phê duyệt quyết toán dự án đầu tư 12 Trạm Y tế xã	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Đồng Thịnh: Làng Rềnh, xã Thạch Lập	2.803,2	230	216	192,64	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923333 ngày 31/7/2013; Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 và Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 05/8/2023 phê duyệt và điều chỉnh dự án 70 Trạm Y tế xã	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
14	Trạm Y tế Ngọc Trung: Thôn Thọ Phú, xã Ngọc Liên	2.777,1	376,79	376,79	329,2	8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923268 ngày 28/7/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Mỹ Tân: Thôn Mới, xã Ngọc Lặc	2.579	412,24	624,48	604,48	6	Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất số 089018 do UBND huyện Ngọc Lặc cấp ngày 10/8/2005; Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 phê duyệt KT-KT Trạm Y tế xã Mỹ Tân	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Minh Tiến: Thôn Thanh Sơn, xã Minh Sơn	1.568,5	230,26	460,52	379,64	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923356 ngày 02/8/2013; Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 phê duyệt quyết toán dự án đầu tư 12 Trạm Y tế xã	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Lam Sơn: Thôn Trung tâm, xã Minh Sơn	6.799	219,21	397,78	345,14	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761817 ngày 12/6/2014; Hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình Trạm Y tế xã Lam Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Cao Thịnh: Làng Mai, xã Ngọc Liên	1.408,8	420	420	420	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923318 ngày 31/7/2013; Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 05/8/2023 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây mới 70 Trạm Y tế xã	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Ngọc Liên: Thôn 6, xã Ngọc Liên	1.842,2	385	498	498	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923694 ngày 16/9/2013; Biên bản nghiệm thu bàn giao sử dụng năm 2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Thúy Sơn: Thôn Phú Sơn, xã Ngọc Lặc	1.503	120	240	240	9	Trích đo thửa 146, tờ bản đồ 18; Hồ sơ thiết kế Cty CP Tư vấn & XD Tây Thành 2016	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
21	Trạm Y tế Thạch Lập: Thôn Tân Thành, xã Thạch Lập	2.136,9	369,97	573,12	513,14	8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR615914 ngày 27/2/2014; Hồ sơ thiết kế công trình Trạm Y tế xã Thạch Lập	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Phùng Giáo: Làng Chuối, xã Nguyệt Ấn	2.190,8	412,92	594,12	533,36	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923656 ngày 09/9/2013; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công năm 2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLVI	Trung tâm Y tế Thọ Xuân											
1	Trung tâm Y tế Thọ Xuân (Trạm Y tế xã Thọ Nguyên cũ): Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	6566	850	1750	1750		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Xuân Hồng: Thôn Bát Căng 1, xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	1262.6	660	660	660	Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh; Nhà để xe	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03588 ngày 31/7/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Thọ Xuân (Trạm Y tế xã Hạnh Phúc cũ): Thôn Vĩnh Nghi, xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	992	425	425	425	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00051QSDĐ/381/QĐ-UB ngày 17/2/2004 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Xuân Sinh (Trạm Y tế xã Xuân Sơn cũ): Thôn Bột Thượng, xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá	1.516	270	270	270	Nhà để xe; Bê nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 270, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính xã Xuân Sinh	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Lam Sơn (Trạm Y tế xã Xuân Lam cũ): Thôn Giao Xá, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	1.018,3	270	270	270	Nhà để xe; Bê nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03753 ngày 21/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thuận Minh (Trạm Y tế xã Xuân Châu cũ): Thôn 6, xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hoá	6.571,8	440	440	440	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Vị trí số 39, tờ bản đồ số 10 do UBND xã Xuân Châu đo vẽ năm 2025	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
7	Trạm Y tế Xuân Lập: Thôn Vũ Hạ, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá	2.740	275	275	275	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00641/QSDĐ/380/QĐ-UB ngày 17/02/2004 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Trường Xuân (Trạm Y tế xã Xuân Vinh cũ): Thôn Cốc Thôn, xã Xuân Lập, Tỉnh Thanh Hoá	2.248.6	430	430	430	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03729 ngày 21/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Sao Vàng (Trạm Y tế xã Xuân Thắng cũ): Thôn Tân Lập, xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá	1.922	393	393	393	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02833 ngày 13/5/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Phú Xuân (Trạm Y tế xã Phú Yên cũ): Thôn Hoà Bình, xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá	1.803.5	420	350	310	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03900 ngày 10/9/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Bắc Lương: Thôn Mỹ Hạ, xã Thọ Long	2.179	390	390	390	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02173 Ngày 21/2/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Nam Giang: Số 236, Phố Neo, Xã Thọ Long, tỉnhThanh Hoá	1.996	565	565	565	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00638QSDĐ/3582/QĐ-CT năm 2003 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Thọ Lộc: Thôn 4, xã Thọ Long, Tỉnh Thanh Hoá	2.371	382	382	382	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02169 Ngày 21/2/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Xuân Trường: Thôn Xuân Phả 2, xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	1.199	240	240	240	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00636 QSDĐ/380/QĐ-UB ngày 17/02/2004 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
15	Trạm Y tế Xuân Hoà: Thôn Khai Đông, xã Xuân Hoà, tỉnh Thanh Hoá	2.912	250	250	250	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03887 ngày 10/9/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Thọ Hải: Thôn Tân Thành, xã Xuân Hoà, Tỉnh Thanh Hoá	1.156,9	280	280	280	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03593 ngày 31/7/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Tây Hồ: Thôn Nam Thượng, xã Thọ Long, Tỉnh Thanh Hoá	1.187	457,28	457,28	457,28	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03839 ngày 10/9/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Xuân Phong: Thôn Mạnh Chư, xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hoá	2.310,7	300	300	300	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 841, Tờ bản đồ số 63, Bản đồ địa chính xã Xuân Phong năm 2004	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Xuân Giang: Thôn Quần Kênh 1, xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	1.728	647	647	647	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03539 ngày 31/7/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Xuân Hưng: Thôn 2, xã Xuân Hoà, Tỉnh Thanh Hoá	2.335	270	270	270	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03608 ngày 31/7/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Thọ Diên: Thôn Thịnh Mỹ, xã Xuân Hoà, Tỉnh Thanh Hoá	1.442	664	664	664	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 1838, Tờ bản đồ số 06, Bản đồ địa chính xã Thọ Diên năm 2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Thọ Lâm: Thôn Thọ Lâm, xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá	2.225,1	380	380	380	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 05621 ngày 25/6/2017 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Xuân Thiên: Thôn Tân Thành, xã Thọ Lập, Tỉnh Thanh Hoá	1.815	250	250	250	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Bản đồ vị trí số 327, Tờ bản đồ số 12, do năm 2025 của UBND xã Xuân Thiên	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
24	Trạm Y tế Quảng Phú: Thôn 7, xã Xuân Tín, Tỉnh Thanh Hoá	6.088	504	504	504	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 247, Bản đồ địa chính số 29, đo đạc năm 2001 của UBND xã Quảng Phú	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Thọ Lập: Thôn 3 Phúc Bồi, xã Thọ Lập, Tỉnh Thanh Hoá	1.890	312	312	312	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Trích sơ đồ các thửa đất: 1184, 1150, 1101, 1102, 1183, tờ bản đồ số 07 của ngày 10/9/2025 của UBND xã Thọ Lập	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
26	Trạm Y tế Thọ Xương: Thôn Luận Vãn, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá	3.555	212	212	212	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03636 ngày 01/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
27	Trạm Y tế Xuân Bái: Thôn Minh Thành 1, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	1.305	260	260	260	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03733 ngày 21/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Xuân Phú: Thôn Đồng Luông, xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá	1.713,2	360	360	360	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 226, tờ bản đồ số 12, đo vẽ năm 2005 của UBND xã Xuân Phú	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
29	Trạm Y tế Xuân Minh: Thôn Quang Vinh, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá	1.925	190	310	310	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00055QSDĐ/381/QĐ-UB ngày 17/2/2004 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
30	Trạm Y tế Xuân Tín: Thôn 21, xã Xuân Tín, Tỉnh Thanh Hoá	1.701,6	345	345	345	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03747 ngày 21/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
31	Trạm Y tế Xuân Lai: Thôn 3, xã Xuân Lập, Tỉnh Thanh Hoá	1.977	385	385	385	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03750 ngày 21/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLVII	Trung tâm Y tế Yên Định											

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Trung tâm Y tế Yên Định cơ sở 1: Thôn Thiết Đình, xã Yên Định)	4.500	692,97	2.083,67	2.083,67	5	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 461/TLBĐ ngày 03/4/2025, bản vẽ hoàn công năm 2024	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Định Hải: Thôn Trịnh Điện, xã Định Tân	1.349	350	350	350	4	Trích can sơ đồ khu đất ngày 04/3/2024 của UBND xã Định Hải cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Định Thành: Thôn Tường Vân, xã Định Hòa	2.382	358,1	659,1	659,1	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00109 ngày 17/3/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Yên Trung: Thôn Lạc Trung, xã Yên Trường	2.660,1	270	540	540	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 02857 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Định Bình: Thôn Tân Sen, xã Định Hòa	2.278,3	300,1	300,1	300,1	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03087 ngày 09/6/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Yên Tâm: Thôn Mỹ Quan, xã Yên Phú	2.519	356	517	517	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 966690 ngày 15/5/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Định Liên: Thôn Duyên Thượng 2, xã Yên Định	1.826	385,7	385,7	385,7	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00197 QSDĐ/2045/QĐ-CT do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Định Hưng: Thôn Vệ Thôn, xã Định Tân	1.240	236,8	385,3	385,3	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00201 ngày 25/8/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Định Tân: Thôn Yên Định, xã Định Tân	2.502,5	475	752	752	10	Trích can thửa đất năm 2013 của UBND xã Định Tân cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
10	Trạm Y tế Định Công: Thôn Cẩm Trướng 2, xã Định Hòa	1.202	445,5	565,6	565,5	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00299 ngày 25/8/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Yên Hùng: Thôn Sơn Cường, xã Yên Ninh	4.278	262	262	262	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00382 ngày 25/6/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Yên Thái: Thôn Phù Hưng 2, xã Yên Trường	1.333,1	303	303	303	6	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có xác nhận của UBND xã Yên Trường mới)	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Yên Thọ: Thôn Tân Lộc 1, xã Quý Lộc	1.300	315	315	315	3	Trích can vị trí khu đất ngày 03/9/2019 của UBND xã Yên Thọ cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Định Long: Thôn Phúc Thôn, xã Yên Định	2.491	345	545	545	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00213 ngày 20/6/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Trích can vị trí khu đất ngày 07/11/2024 của UBND xã Định Long cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Định Tăng: Thôn Thạch Đài, xã Yên Định	946,6	296,2	606	606	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 04176 ngày 04/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Yên Thịnh: Thôn 2, Yên Thịnh	1.433	250	250	250	7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 284133 ngày 10/7/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Định Tiến: Thôn Mỹ Lộc, xã Định Tân	3.345,7	460,5	460,5	460,5	8	Trích can khu đất ngày 10/10/2014 của UBND xã Định Tiến Cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Định Hòa: Thôn Thung Thôn, xã Định Hòa	1.421,2	277,56	832,68	832,68	8	Trích can khu đất ngày 06/11/2020 của UBND xã Định Hòa cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
19	Trạm Y tế Yên Trường cơ sở 1: Thôn Lự Khê, xã Yên Trường	1.300	311,8	623,6	570	7	Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 28/5/2014 do UBND xã Yên Trường cũ cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Yên Ninh cơ sở 1: Thôn Hanh Cát 2, xã Yên Ninh	1.743,4	374	374	374	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 04036 ngày 22/10/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Yên Lâm cơ sở 1: Thôn Hành Chính, xã Quý Lộc	3.828,8	386	386	386	5	Trích lục bản đồ khu đất số 244 ngày 23/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Định cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Quy Lộc cơ sở 1: Thôn 6, xã Quý Lộc	2.789,4	428	428	428	3	Trích can khu đất ngày 05/8/2025 của UBND xã Quy Lộc mới	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Quán Lào Cơ sở 1: Thôn Ngọc Sơn, xã Yên Định	686	211	422	422	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00088 ngày 15/3/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Yên Phú cơ sở 1: Thôn Đa Nẫm, xã Yên Phú	1.729,1	277	277	277	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 04105 ngày 05/12/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Yên Phong cơ sở 1: Thôn Phượng Lai, xã Yên Trường	2.200	224	448	448	6	Trích lục bản đồ địa chính số 278 ngày 11/10/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Định cũ	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
26	Trạm Y tế Thống Nhất	4.240,4	270	540	540	5	Trích can khu Đất cơ sở y tế Thống Nhất của UBND xã Yên Phú mới	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XLVIII	Trung tâm Y tế Như Xuân											
1	Trung tâm Y tế Như Xuân: Thôn 4, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	1.705	604	1.579	1.579	Hệ thống tường rào, bể nước nhà xe, nhà kho	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 420559 ngày 17/7/2009	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
2	Trạm Y tế Thanh Quân: Thôn Kê Lạn, xã Thanh Quân, tỉnh Thanh Hóa	2.019,9	650	480	480	Hệ thống tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923512 ngày 03/9/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Thanh Sơn: Thôn Đồng Chạng, xã Thanh Quân, tỉnh Thanh Hóa	1.968,5	600	480	480	Hệ thống tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615222 ngày 25/11/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Thanh Xuân: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Quân, tỉnh Thanh Hóa	5.540,9	312	504, 48	504, 48	Hệ thống tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796475 ngày 27/6/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Thanh Phong: Thôn Hai Huân, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	6.862,4	386	386	436	Hệ thống tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923856 cấp ngày 09/10/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thanh Lâm: Thôn Làng Kèn, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	2.064	436	436	436	Hệ thống tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, mái tôn	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có trích đo sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 142	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Thanh Hoà: Thôn Tân Hiệp, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	2.822.2	558	558	558	Hệ thống tường rào, nhà để xe, nhà bếp, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796433 cấp ngày 04/7/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Xuân Bình: Thôn 12, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa	1.800	340	340	340	Hệ thống tường rào, nhà để xe, nhà bếp, lò đốt rác, mái tôn	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 18b, tờ bản đồ số 19	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Bãi Trành: Thôn 3, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa	1.450	355	505	505	Hệ thống tường rào, nhà kho, công trình vệ sinh, lò đốt rác, mái tôn	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có trích đo sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 18b, tờ bản đồ số 19	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
10	Trạm Y tế Xuân Hoà: Thôn Ngòi, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa	1.540	330	730	730	Hệ thống tường rào, công trình vệ sinh, lò đốt rác, mái tôn	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Hoá Quý: Thôn Đông Xuân, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa	1.185.2	264	528	528	Hệ thống tường rào, lò đốt rác, mái tôn	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có trích đo sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 24	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Bình Lương: Thôn Quang Trung, xã Hoá Quý, tỉnh Thanh Hóa	1.844	323,3	323,3	323,3	Hệ thống tường rào, nhà để xe, công trình vệ sinh, lò đốt rác, mái tôn	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có trích đo sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 644, tờ bản đồ số 02	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Thượng Ninh: Thôn Đồng Tâm, xã Thượng Ninh,tỉnh Thanh Hóa	2.772,7	390	355	355	Hệ thống tường rào, nhà để xe, nhà kho, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 087468 ngày 15/4/2005 do UBND huyện Như Xuân cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Cát Vân: Thôn Vân Bình, xã Thượng Ninh.tỉnh Thanh Hóa	1.276	500	400	400	Hệ thống tường rào, nhà để xe. nhà kho, lò đốt rác	Giấy chứng số 087454 ngày 05/12/2004 do Chủ tịch UBND huyện Như Xuân cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Cát Tân: Thôn Cát Lợi, xã Thượng Ninh,tỉnh Thanh Hóa	900	262,8	528	528	Hệ thống tường rào, hệ thống bể lọc nước, nhà kho, nhà xe, lò đốt rác, mái tôn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 087477 ngày 05/11/2004 do UBND huyện Như Xuân cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Tân Bình: Thôn Tân Thắng, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2.100	420	420	374	Hệ thống tường rào, hệ thống bể lọc nước, nhà bếp, nhà xe, lò đốt rác, mai tôn	Có trích đo sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 358, tờ bản đồ số 13	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Yên Cát: Thôn Thắng Sơn, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	1.942,9	517	517	517	Hệ thông tường rào, công trình vệ sinh, nhà để xe, lò đốt rác, mái tôn	Có trích đo sơ đồ vị trí Trạm Y tế thuộc thửa đất số 876, tờ bản đồ số 26	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
XLIX	Trung tâm Y tế Bim Sơn											
1	Trung tâm Y tế Bim Sơn: Lô YT, khu đô thị Nam Cổ Đàm, phường Bim Sơn)	1.689,64	1981,4	1981,4	1981,4	Cổng, tường rào, sân đường nội bộ (578 m²)	Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Ba Đình: Số nhà 13A đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ dân phố 4, phường Bim Sơn)	2.592,8	350	350	350		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761840 ngày 12/6/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Bắc Sơn: Đường Hồ Tùng Mậu, tổ dân phố 9, phường Quang Trung	1.611,4	350	350	350		Trích lục thửa Đất cơ sở y tế Phường Bắc Sơn	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Đông Sơn: 39 Trần Nguyên Hãn, tổ dân phố 15, phường Bim Sơn	1.187	300	300	300		Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có trích lục thửa đất 18, tờ 69 bản đồ địa chính phường Đông Sơn năm 2011	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Lam Sơn: Đường Nguyễn Đức Cảnh, tổ dân phố Nghĩa Môn, phường Bim Sơn	596	232	232	232		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 088789 ngày 15/12/2004	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Ngọc Trạo: Đường Võ Thị Sáu, tổ dân phố 6, phường Quang Trung	3.028,4	313	313	300		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923950 ngày 18/10/2023	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Phú Sơn: Đường Ngô Gia Khảm, tổ dân phố 5, phường Quang Trung	2.012,2	340,85	340,85	340,85		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696925 ngày 12/10/2015	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Quang Trung: 133 Lê Thánh Tông, tổ dân phố 5, phường Quang Trung	2.275	500	500	500		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 012070 ngày 16/10/2016	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
L	Trung tâm Y tế Lang Chánh											
1	Trung tâm Y tế Lang Chánh: Thôn Xuôm Chông, xã Đồng Lương	3.235	780,84	1534,58	1534,58		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 04021 ngày 13/10/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Lang Chánh: Đường Lê Ninh, thôn Lê Lai, xã Linh Sơn	607,2	208,8	474	355	4	Đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước của UBND huyện Lang Chánh cấp ngày 27/10/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Đồng Lương: Thôn Chiềng Khặt, xã Đồng Lương	3.393,3	500	420	420	9	Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
4	Trạm Y tế Lâm Phú: Bản Đôn, xã Văn Phú	1.498,3	427	440	440	8	Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Trí Nang: Bản En, xã Linh Sơn	2.880	346,6	301,6	301,6	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 100459 ngày 06/10/2003	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Trí Nang: Bản En, xã Linh Sơn)	2.819,1	-	-	-		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01021 ngày 12/8/2013; Thừa đất số 187, tờ bản đồ số 62	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Yên Khương: Bản Đôn, xã Yên Khương	3.369,8	479,5	459,5	405,6	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01148	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Yên Thắng: Thôn Ngàm Pốc, xã Yên Thắng	1.180,6	821,7	376,2	376,2	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01083	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Giao Thiện: Thôn Poọng, xã Giao Thiện	1.600	590	485	425	5	Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Giao An: Thôn Chiềng Nang, xã Giao An	1.273,6	345	308	288	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 101502 ngày 31/10/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Tân Phúc: Thôn Tân Phong, xã Đồng Lương	2.200	241,1	294	196,7	6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00449 QSDĐ/QĐ-CT ngày 06/10/2003	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Tam Văn: Thôn Lọng, xã Văn Phú	2.303,5	487	530	487	9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00819	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LI	Trung tâm Y tế Vĩnh Lộc											
1	Trạm Y tế Vĩnh Quang cơ sở 1: thôn Tiến Ích, xã Tây Đô	2.010,1	433,3	433,3	433,3		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 635002	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Vĩnh Yên: Thôn Phù Lưu, xã Tây Đô	2.189	283,15	417,75	417,75		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 064823	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
3	Trạm Y tế Vĩnh Tiến: Thôn Thổ Phụ, xã Tây Đô	2.000	459,5	533,3	533,3		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 923502 ngày 20/8/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Vĩnh Long: Thôn Đông Môn, xã Tây Đô	1.317	340	340	340		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 064652 ngày 25/7/2003 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Vĩnh Phúc: Thôn Bái Xuân, xã Vĩnh Lộc	3.657	700	1.400	1.400		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 966636 ngày 16/6/2003 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Vĩnh Hưng: Thôn 3, xã Vĩnh Lộc	2.114	372	372	372		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615599 ngày 06/01/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Vĩnh Hòa: Thôn Nghĩa Kỳ, xã Vĩnh Lộc	2.141	310	590	590		Bản phô tô trích sao vị trí khu đất do phòng kinh tế hạ tầng xã Vĩnh Lộc cung cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Ninh Khang cơ sở 1: Thôn Thọ Vực, xã Vĩnh Lộc	1.884,1	328,24	328,24	328,24			Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Vĩnh Hùng: Xóm Đoài, xã Biện Thượng	1.410	300	520	520		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 966016 ngày 09/6/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Minh Tân cơ sở 2: Thôn 7, xã Biện Thượng	1.206	239	478	478		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 966044 ngày 09/6/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Vĩnh Thịnh: Thôn 1, xã Biện Thượng	1.708	350	500	500		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 966099 ngày 20/6/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Vĩnh An: Thôn 4, xã Biện Thượng	1.493	215	430	430		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W966065 ngày 20/6/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
13	Trạm Y tế Vĩnh Lộc cơ sở 1: Khu phố Giáng, xã Vĩnh Lộc	670	178	290	290		Chưa có hồ sơ pháp lý về nhà đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LII	Trung tâm Y tế Thiệu Hóa											
1	Trung tâm y tế Thiệu Hóa: Khu phố Ba Chè, xã Thiệu Trung	3.878,54	739,97	2.083,67	2.083,67	Nhà xe, kho, nhà bảo vệ, bể nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 01998100 ngày 04/06/2025 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Thiệu Ngọc: Thôn Tân Bình 2, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.729	236	404	404	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923906 ngày 14/10/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Thiệu Vũ: Thôn Lam Đát, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.979	355	355	315	Nhà bếp, Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615926 ngày 06/3/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Thiệu Tiến: Thôn Phúc Lộc 2, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa	3.173	260	260	260	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615238 ngày 27/11/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Thiệu Thành: Thôn Thành Tiến, xã Thiệu Tiến, tỉnh Thanh Hóa	1.772	410	410	410	Nhà xe, nhà bếp, tường rào, lò đốt rác...	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761370 ngày 17/4/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thiệu Hóa cơ sở 1: Khu phố 3, xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	2.045	279	279	279	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Trích bản đồ địa chính Thị trấn Vạn Hà, do UBND thị trấn Vạn Hà cấp ngày 03/9/2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Thiệu Công: Thôn Minh Thượng, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	2.946	387,65	387,65	387,65	Tường rào, lò đốt rác, bể nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923878 ngày 09/10/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Thiệu Phúc: Thôn Vỹ Thôn, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	1733,5	328,24	328,24	328,24	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Biên bản kiểm tra hiện trạng đất PHYT xã Thiệu Phúc, xã Thiệu Phúc lập ngày 05/9/2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
9	Trạm Y tế Thiệu Long: Thôn Phú Lai, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	1.077,2	287	446	446	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, nhà vệ sinh, bể nước	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923617 ngày 29/8/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Thiệu Nguyên: Thôn Nguyên Sơn, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	1.915,5	256	456	456	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761243 ngày 07/4/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Thiệu Giang: Thôn Trung Thôn, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa	1.904	266	266	226	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, nhà vệ sinh, bể nước	Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại cơ quan hành chính sự nghiệp do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 04/5/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Thiệu Duy: Thôn Đông Mỹ, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa	1.392	268,5	228	156	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, nhà vệ sinh, bể nước	Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại cơ quan hành chính sự nghiệp do UBND huyện Thiệu Hóa cấp ngày 04/5/2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Thiệu Hợp: Thôn Nam Bằng 1, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa	1.346,5	300	550	500	Nhà xe, tường rào, bếp	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923711 ngày 17/9/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Thiệu Thịnh: Thôn Quyết Thắng, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa	3.835,4	280	280	280	Nhà xe, tường rào, bể nước, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696051 ngày 07/7/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
15	Trạm Y tế Thiệu Quang: Thôn Nhân Cao 2, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa	3.248	320	500	500	Nhà xe, mái tôn, tường rào, bể nước, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615834 ngày 25/02/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
16	Trạm Y tế Thiệu Toán: Thôn Toán Phúc, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	2.875,9	274	274	274	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615174 ngày 14/11/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Thiệu Chính: Thôn Dân Quyền Dân Sinh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	2.385,6	362	362	362	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615146 ngày 12/11/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Thiệu Hòa: Thôn Thái Hanh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	1.347,6	185,2	185,2	185,2	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, kho	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615414 ngày 24/12/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Hậu Hiền cơ sở 1: Khu phố Đồng Tiến, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá	4.052,4	373	373	373	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, bể nước, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615468 ngày 24/12/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Thiệu Viên: Thôn 2, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	1.163	368,24	368,24	368,24	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 923959 ngày 18/10/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Thiệu Lý: Thôn 2 - Nguyệt Lăng, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	2.158,7	340	340	340	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, nhà thuốc, bếp	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923868 ngày 07/10/2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Thiệu Vận: Thôn 4 - Thiệu Vận, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	1.500	306,2	306,2	306,2	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác, bể nước	Trích bản đồ địa chính xã Thiệu Vận do UBND xã Thiệu Vận lập ngày 19/11/2020	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Thiệu Trung: Thôn 1, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	1.179,6	251,41	251,41	251,41	Nhà xe, tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615874 ngày 27/02/2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	155 Trường Thi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	6.584	2.863	-	6.335		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LX	Bệnh viện Mắt											
1	215 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá	3.194	1.359	-	6.985		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXI	Bệnh viện Ung bướu											
1	Ngõ 958 đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	80.032	15.600	-	48.852		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXII	Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn											
1	Tổ dân phố Xuân Hoà, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	28.639	3.489	-	10.293		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXIII	Bệnh viện Đa khoa Sầm Sơn											
1	Số 83 đường Nguyễn Du, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	6.910	1.074	-	5.269		Quyết định xác định giá trị quyền sử dụng đất của Sở Tài chính	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXIV	Bệnh viện Đa khoa Bá Thước											
1	Khu phố 2, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá	15.452	5.043	-	7.950		Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXV	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Thủy											
1	Thôn Đại Quang, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá	18.140	4.586,3	-	8.886,4		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXVI	Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn											
1	Phố Nhuệ Sâm, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	19.899	3.880,5	-	7.601		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXVII	Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hoá											
1	Thôn Vinh Sơn, xã Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá	21.197	4.545	-	9.753		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

69

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
LXVIII	Bệnh viện Đa khoa Lang Chánh											
1	Số 06/04 đường Châu Lang, thôn Lê Lai, xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hoá	10.634,2	5.835	10.100	10.100		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXIX	Bệnh viện Đa khoa Mường Lát											
1	Trụ sở: Thôn 2, xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá	6.656	1.756	-	3.982		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 284491 ngày 19/5/2009	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Khu nhà công vụ 1: Thôn 4, xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá	1.888,2	300	-	1.000		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số BR 615517 ngày 06/01/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Khu nhà công vụ 2: Thôn 4, xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá	816,8	300	-	500		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số BR 615518 ngày 06/01/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXX	Bệnh viện Đa khoa Quan Hoá											
1	Khu 4, xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hoá	20.000	5.578	-	9.668		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXXI	Bệnh viện Đa khoa Quan Sơn											
1	Số 101 Lê Thái Tổ, xã Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá	10.585	3.154	-	7.020		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXXII	Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn											
1	Số 992 Lê Thái Tổ, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	23.213,6	3.576	-	6.111		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXXIII	Trung tâm Y tế Nông Cống											
1	Trụ sở Trung tâm Y tế Nông Cống: Thôn Tập Cát 1, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá	4.475	630	630	630		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Nông Cống cơ sở 1: Thôn Lê Xá 1, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	1.209	364	364	364		Thửa số 203, tờ bản đồ số 35, đo vẽ năm 2020	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m ²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
3	Trạm Y tế Minh Nghĩa: Thôn Trung Tâm, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	1.847	660	660	660		Thửa đất số 871, tờ bản đồ số 10 năm 2020 cấp ngày 2/8/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Minh Khôi: Thôn Thống Nhất, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	2.478	331,7	331,7	331,7		Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BU 696266	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Vạn Thắng: Thôn Phố Mới xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	2.664,3	676	676	676		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923913 thửa 1230 ngày cấp 14/10/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Vạn Hòa: Thôn Đồng Thọ, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	1.887,7	354	354	354		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP923360 ngày 07/01/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Vạn Thiện: Thôn Cao Nhuận, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	2.690,6	200,5	200,5	200,5		Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 22 năm 2020	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Trung Chính cơ sở 1: Thôn Thanh Sơn, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	760,6	285	285	285		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00996 ngày 08/8/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Tân Khang: Thôn Lai Thịnh, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.447	478	478	478		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615105 cấp ngày 07/01/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Tân Phúc: Thôn Định Kim, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.902	402	402	402		Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế Tân Thọ(Thôn Mỹ Thanh, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.026,9	230	230	230		Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
12	Trạm Y tế Hoàng Giang: Thôn Văn Đôi, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	2.121	426	426	426		Thửa đất số 6, tờ bản đồ năm 2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
13	Trạm Y tế Hoàng Sơn: Thôn Thanh Liêm, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.353,4	200	200	200		Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
14	Trạm Y tế Tế Lợi: Thôn Hữu Kiệm, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa)	2.843	541,7	541,7	541,7		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 01055 ngày 20/8/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
15	Trạm Y tế Tế Nông cơ sở 1: Thôn Đạt Tiến 2, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa	1.500	542	542	542		Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
16	Trạm Y tế Tế Thắng: Thôn Thổ Nam, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa	3.987	648	648	648		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 061029 ngày 11/3/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
17	Trạm Y tế Trung Thành: Thôn Côn Sơn, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa	2.000	355	355	355		Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
18	Trạm Y tế Thăng Long: Thôn Tân Giao, xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa	1.131	529	529	529		Thửa đất số 1153 tờ bản đồ số 15 năm 2004 Cấp ngày 24/2/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
19	Trạm Y tế Thăng Thọ: Thôn Thọ Khang, xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa	2.286	392	392	392		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796363 ngày 20/6/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
20	Trạm Y tế Thăng Bình: Thôn Hồng Sơn, xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa	2.700	474	474	474		Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
21	Trạm Y tế Trường Giang: Thôn Đồng Hòa, xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa	1.694	684,1	684,1	684,1		Thửa đất số 786, tờ bản đồ số 25 năm 2006 cấp ngày 5/8/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
22	Trạm Y tế Trường Minh: Thôn Phúc Đồi, xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa	1.660	261	261	261		Thửa đất số 547, tờ bản đồ số 07 năm 2005	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
23	Trạm Y tế Trường Sơn: Thôn Trung Yên, xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa	2.407	250	250	250		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615896 ngày 05/3/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
24	Trạm Y tế Trường Trung: Thôn Đồng Xuân, xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa	2.718	220,2	220,2	220,2		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00767 ngày 19/7/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
25	Trạm Y tế Tượng Sơn: Thôn Thái Tượng, xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa	1.247	259	259	259		Thửa đất số 321, tờ bản đồ số 32	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
26	Trạm Y tế Tượng Văn: Thôn Quỳnh Tiến, xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa	1.786,6	298	298	298		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923636 ngày 04/09/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
27	Trạm Y tế Tượng Lĩnh: Thôn Thọ Long, xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hóa	2.808	243,57	243,57	243,57		Thửa đất số 940, tờ bản đồ số 08 năm 2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
28	Trạm Y tế Yên Mỹ cơ sở 1: Thôn Trung tâm, xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.491	176	176	176		Quyền sử dụng đất số 443, tờ bản đồ số 8	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
29	Trạm Y tế Công Liêm: Thôn Tuy Yên, xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.623	360	360	360		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615447 ngày 24/12/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
30	Trạm Y tế Công chính: Thôn Tân Luật, xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa	2.963,6	320	320	320		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00767 ngày 19/07/2013	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
LXXIV	Sở Y tế Thanh Hoá											
1	101 Nguyễn Trãi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	-	687,69	2.850,6	2.850,6		Quyết định giao quản lý các hạng mục của công trình trụ sở liên cơ quan	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Khoản 1 Điều 10 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Nằm trong khuôn viên khu đất sử dụng chung với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Sở Giáo dục và Đào tạo (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quản lý)

Phụ lục II

DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

THEO HÌNH THỨC CHUYỂN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, XỬ LÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
I	Bệnh viện Phục hồi chức năng											
1	Đất cơ sở 2: Phố Quang Trung, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá	25.000	-	-	-		Quyết định giao đất số 84/QĐ-XDCB ngày 23/7/1975.	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
II	Bệnh viện Đa liễu											
1	Cơ sở điều trị Phong tại huyện Cẩm Thủy cũ	199.864	346,5	550,1	550,1			Đất cơ sở y tế	Không còn nhu cầu sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
III	Trung tâm Y tế Hoàng Hoá											
1	Trung tâm Y tế Hoàng Hoá (khu 2): Thôn Dư Khánh, xã Hoàng Hoá	3.500	-	-	-		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 004900 ngày 05/7/2011	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Chỉ có đất, chưa có nhà
2	Trạm Y tế Bút Sơn (Trạm Y tế xã Hoàng Phúc cũ): Thôn Bút Cương, xã Hoàng Hoá	2.112,8	290	460	460	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CT 00388	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hoàng Xuân: Thôn Nghĩa Hương, xã Hoàng Giang	1.200	350	300	300	1		Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Hoàng Giang cơ sở 2: Thôn Trinh Phúc, xã Hoàng Giang	3.240	296	422	422	2		Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế xã Hoàng Kim cũ: Thôn Hiệp Thành, xã Hoàng Phú	872,8	168,7	168,7	168,7		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696270	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Hoàng Xuyên: Thôn Thần Xuân, xã Hoàng Sơn	700	300	550	550	3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 302-4	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
7	Trạm Y tế Hoàng Sơn: Thôn Lương Quán, xã Hoàng Sơn	1.678	275	400	400	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01103	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
IV	Bệnh viện Đa khoa Thường Xuân											
1	Phòng khám đa khoa khu vực Bát Mọt: Thôn Cạn, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hoá	2.500	467	467	467	Tường rào 30 m²	Trích sơ đồ hiện trạng thửa đất theo bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Không còn nhu cầu sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
V	Trung tâm Y tế Thạch Thành											
1	Trạm Y tế Kim Tân (cơ sở Trạm Y tế Thành Kim cũ)	1.368	170	170	170		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2005 do UBND huyện cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Vân Du (cơ sở Trạm Y tế Thành Vân cũ)	3.225	273,3	273,3	273,3		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 086823 ngày 26/6/2025 do UBND huyện Thạch Thành cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Thạch Bình (cơ sở Trạm Y tế Thạch Tân cũ)	1.100	-	-	-		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796341 ngày 17/6/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
VI	Trung Tâm Y tế Hậu Lộc											
1	Trạm Y tế Hậu Lộc cơ sở 2: Thôn Trung Đức, xã Hậu Lộc	1.650	250	250	250	1	Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Hậu Lộc cơ sở 3: Thôn Trung Phú, xã Hậu Lộc	1.570	252	252	252	1	Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hậu Lộc cơ sở 4: Thôn Tân Đồng, xã Hậu Lộc	1.430	230	260	260	1	Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Tuy Lộc cơ sở 2: Thôn Cách, xã Đông Thành	2.500	245	425	425	1	Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
5	Trạm Y tế Thành Lộc cơ sở 2: Thôn Thành Đông, xã Đông Thành	1.013	630	630	630	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00561/QSDĐ/288/QĐ-UB ngày 14/9/2004	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Triệu Lộc cơ sở 2: Thôn Châu Tử, xã Triệu Lộc	1.450	192	384	384	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 913691; Quyết định số 00551/QSDĐ/QĐ 2881/QĐ-UB ngày 14/9/2004	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Thuần Lộc cơ sở 2: Thôn Lam Thôn, xã Hậu Lộc	1.618	175	345	345	1	Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Cầu Lộc cơ sở 2: Thôn 1, xã Đông Thành	627	171	171	171		Giấy chứng nhận quản lý tài sản, sử dụng đất thuộc trụ sở cơ quan nhà nước mang số hiệu 094302 do UBND huyện Hậu Lộc cấp 25/10/2025	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
VII	Trung tâm Y tế Thường Xuân											
1	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cũ: Thôn 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	884,3	109	225	203	222 m² tường rào, 01 cổng đơn vị, 50 m² sân đường nội bộ và mương thoát nước	Trích lục bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Luận Khê cơ sở 1: Thôn Nhàng, xã Tân Thành, tỉnh Thanh Hoá	1.850	214	214	214	01 giếng khoan, 98 m² tường rào, 01 nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Xuân Thắng cơ sở 2: Thôn Dín, xã Thắng Lộc, tỉnh Thanh Hoá	3.505	269,9	269,9	269,9	01 giếng đào, 80 m² tường rào, 02 nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Xuân Lộc cơ sở 1: Thôn Chiềng, xã Thắng Lộc, tỉnh Thanh Hoá	1.354	420	420	420	01 giếng khoan, 160 m² tường rào, 01 lò đốt rác, 03 nhà vệ sinh, 01 nhà xe, sân bê tông 998 m²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
5	Trạm Y tế Thường Xuân cơ sở 2: Thôn 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	750,8	300	300	300	01 giếng khoan, 01 nhà vệ sinh.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Ngọc Phụng cơ sở 1: Thôn Xuân Thắng, xã Ngọc Phụng, tỉnh Thanh Hoá	1751	326,3	326,3	326,3	01 giếng đào, 150 m² tường rào, 01 nhà xe, 01 lò đốt rác, vườn thuốc nam 382 m²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế Bát Mọt cơ sở 2: Thôn Cạn, xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hoá	400,9	54	54	54	01 cổng trạm, sân 18 m²	Trích đo bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế Xuân Dương cơ sở 2: Thôn Thống Nhất 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	1.071	138	138	138	01 Giếng khơi, 282 m² tường rào, 02 nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Xuân Cao cơ sở 2: Thôn Quyết Thắng 2, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hoá	740	120	120	100		Không có hồ sơ	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
VIII	Trung tâm Y tế Bá Thước											
1	Trạm Y tế Kỳ Tân cơ sở 2: Thôn Khả xã Văn Nho, tỉnh Thanh Hoá	1.294,9	372	372	372	Tường rào; Sân	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 696967 cấp ngày 02/11/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Cảnh Năng cơ sở 2: Phố 1 Lâm Xa, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá	689	80	80	80	Sân	Trích đo địa chính thửa đất số 02 ngày 28/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Cảnh Năng cơ sở 3: Phố 5, xã Bá Thước, Tỉnh Thanh Hoá	1.300	282	282	282	Tường rào; Nhà để xe; Sân; Vườn	Không có	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Cảnh Năng cơ sở 4: Phố Vận Tải, xã Bá Thước, Tỉnh Thanh Hoá	1.173,9	294	294	294	Tường rào; Sân; Vườn; Lò đốt rác	Hồ sơ kỹ thuật thửa đất; Quyết toán dự án hoàn thành công trình Trạm Y tế xã Lâm Xa	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
5	Trạm Y tế Lũng Cao cơ sở 2: Thôn Mười, xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hoá	1.995,5	0	0	0	Chỉ có đất, không có nhà	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 615611 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Chỉ có đất, không có nhà
6	Trạm Y tế Lương Nội cơ sở 2: Thôn Ben, xã Lương Nội, tỉnh Thanh Hoá	2.367,3	120	120	120	Lò đốt rác; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923148 ngày 11/7/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
IX	Trung tâm Y tế Mường Lát											
1	Trạm Y tế thị trấn Mường Lát cũ: Thôn 3, xã Mường Lát	1.513,7	215,9	474	474	03 (Bể nước, nhà xe, tường rào)	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
X	Trung tâm Y tế Quan Hóa											
1	Trạm Y tế Xuân Phú cũ: Bản Chăm xã Hồi Xuân tỉnh Thanh Hóa	970,5	120	120	120	Cổng, tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761286	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế xã Phú Nghiêm cũ: Bản Pọng xã Hồi Xuân tỉnh Thanh Hóa	912	231	231	231		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 263034	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế xã Hồi Xuân cũ: Khu phố Hồi Xuân xã Hồi Xuân tỉnh Thanh Hóa	356,6	175	175	140		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 439443	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Phú Thanh cũ: Bản Đồ xã Phú Lệ tỉnh Thanh Hóa	566,4	290	290	290		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03701	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế xã Phú Xuân cũ: Bản Mỏ xã Phú Xuân tỉnh Thanh Hóa	800	140	112	112		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 087000	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XI	Trung tâm Y tế Nga Sơn											
1	Trung tâm Dân số cũ: Thôn Thịnh Vượng, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	510	200	420	420		BB bàn giao đất, trích lục bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
2	Trạm Y tế xã Nga Lĩnh cũ: Thôn Vi Mĩ, xã Nga Thắng, tỉnh Thanh Hóa	1.526,6	470.8	726,6	726,6		Trích bản đồ địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế xã Nga Mỹ cũ: Thôn Hưng Đạo 1, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2.380	327	540	540	5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Căn cứ điểm b, khoản 1, điều 13, NĐ03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế xã Nga Hưng cũ: Thôn Bách Lợi, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.047	310	510	510	5	Không có	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Căn cứ điểm b, khoản 1, điều 13, NĐ03/2025/NĐ-CP	
XII	Trung tâm Y tế Hạc Thành											
1	Trạm Y tế An Hoạch cũ: Phố Nam Sơn, phường Đông Quang	991	338	350	350		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Hoàng Long cũ: Phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá	1.443	110	150	150		Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T00178	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hoàng Lý cũ: Phố 3, phường Nguyệt Viên	1.851,5	345	360	360		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Tân Sơn cũ: 43 Nguyễn Trung Trực, phường Hạc Thành	531,4	202	404	404		Trích đo địa chính năm 2011 do UBND phường Tân Sơn cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Đông Tiến cũ: Tổ dân phố Triệu Xá 1, phường Đông Tiến	1.248,4	240	300	300		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Đông Thanh cũ: Tổ dân phố Kim Bôi, phường Đông Tiến	1.111	320	360	360		Trích đo địa chính	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XIII	Trung tâm Y tế Nghi Sơn											

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Trung tâm Y tế Nghi Sơn cơ sở 2: Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	1.165,1	120	220	220	2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Hải Ninh cơ sở 2: Tổ dân phố Hồng Phong 2, phường Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa	703,6	270	270	270	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Hải Hòa cơ sở 2: Tổ dân phố Tiên Phong, phường Tĩnh Gia, Thanh Hóa	1.947	467,7	573,6	573,6	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Các Sơn cơ sở 2: Thôn Quế Lam, xã Các Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2.223	313	313	313	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Nguyên Bình cơ sở 2: Tổ dân phố Nam Yên, phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa	4.684,7	200	400	400	2	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Nghi Sơn cơ sở 2: Tổ dân phố Nam Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	420,7	130	258	258	3	Trích lục bản đồ địa chính thửa đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XIV	Trung tâm Y tế Sầm Sơn											
1	Trạm Y tế Quảng Đại cũ: Tổ dân phố Hoà Đông, phường Nam Sầm Sơn	1.429,6	427,535	427,535	427,535	0		Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XV	Trung tâm Y tế Hà Trung											
1	Trạm Y tế Hà Thái: Thôn Thái Hoà, xã Lĩnh Toại	875	590	450	450	Tường rào	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 22494 ngày 29/5/2024 của UBND huyện	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
2	Trạm Y tế xã Hà Phong cũ: Thôn Thượng Quý, xã Hà Trung	899	200	200	200		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00425/QSDĐ/2528/QĐ-UB do UBND tỉnh cấp ngày 10/8/2004	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế xã Hà Toại cũ: Thôn Chế Thôn, xã Lĩnh Toại	1.570	180	148	148		Thửa số 298, tờ bản đồ số 04	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế xã Hà Lĩnh cũ: Thôn Thanh Xá 1, xã Tổng Sơn	2.870	370	370	370	Tường rào	Chưa cấp quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế xã Hà Yên cũ: Thôn Trung Tâm, xã Hoạt Giang	2.175	299	299	230		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00139 QSDĐ/1056/QĐ-UB ngày 05/4/2004. Thửa số 394, tờ bản đồ số 03	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XVI	Trung tâm Y tế Quảng Xương											
1	Trạm Y tế Quảng Phúc cơ sở 2: Đường ĐH-QX 09, thôn Ngọc Đới, xã Quảng Ngọc	696,4	120	120	120		Trích lục bản đồ địa chính 2015; Hồ sơ cải tạo nhà trạm 2017	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Tiên Trang cơ sở 2: Thôn 4, xã Tiên Trang	1.519	397	627	627		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 796245 ngày 30/5/2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Tân Phong cơ sở 2: Tổ dân phố Bái Vàng, xã Lưu Vệ	2.278	325	534	537		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN7 96136 ngày 09/5/2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Tân Phong cơ sở 3: Tổ dân phố Đông Đa 2, xã Lưu Vệ	703	277	444	444		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 092104 ngày 24/11/2005; Hồ sơ bản vẽ thi công Cty CP ĐTPT Hạ tầng đô thị 2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
5	Trạm Y tế Tân Phong cơ sở 4: Tổ dân phố Tân Hưng, xã Lưu Vệ	947,1	350	580	580		Trích bản đồ địa chính xã Lưu Vệ (tờ bản đồ 14, thửa 1272)	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XVII	Trung tâm Y tế Như Thanh											
1	Trạm Y tế Xuân Thọ: Thôn Đông, xã Xuân Du	3.525	280	280	280	4	Trích lục đất; Không có hồ sơ Nhà Y tế	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế thị trấn Bến Sung: Khu phố I, xã Như Thanh	902,6	380	400	380	8	Trích lục đất; Không có hồ sơ Nhà trạm	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Phúc Đường: Thôn Bái Thất, xã Yên Thọ	2.131	250	350	350	4	Trích lục đất bị thất lạc; Không có hồ sơ Nhà	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Yên Thọ: Thôn Xuân Mới, xã Yên Thọ	1.328,5	-	-	-		Trích lục đất số BP923821 cấp ngày 03/10/2013; Không có hồ sơ Nhà	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Không có nhà, chỉ có đất
5	Trạm Y tế Thanh Kỳ: Thôn Đồng Tiến, xã Thanh Kỳ	1.437	240	240	240	4	Trích lục đất; Không có hồ sơ Nhà	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XVIII	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy											
1	Trạm Y tế Cẩm Lương: Thôn Kim Mắm, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	2.024	357	357	357	Giếng, tường rào, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065245	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Cẩm Tâm (cũ): Thôn Thành Công, xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa	1.432,4	115	115	115	Giếng, tường rào, nhà để xe, lò đốt rác, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00154	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Cẩm Tân (cũ): Thôn Phiến Thôn, xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa	1.155	90	90	90	Giếng, tường rào, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 761907	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
4	Trạm Y tế Phúc Do (cũ): Thôn Phúc Tân, xã Cẩm Tân, tỉnh Thanh Hóa	2.903	180	180	180	Giếng, tường rào, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 420655	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y Cẩm Sơn (cũ): Thôn Linh Thung, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	751	125	125	125	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00207	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y Cẩm Sơn (cũ): Thôn Linh Thung, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	1.483	407	407	407		Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y Cẩm Phong (cũ): Thôn Nghĩa Dũng, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	2.783	250	250	250	Giếng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00188	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế thị trấn (cũ): Thôn Quang Trung, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	2.202,9	350	350	350	Nước máy, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh	Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
9	Trạm Y tế Cẩm Tú (cũ): Thôn Bắc Sơn, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa	1.250	200	200	200	Giếng, tường rào, nhà vệ sinh	Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XIX	Trung tâm Y tế Ngọc Lặc											
1	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cũ	-	103,22	206,44	206,44		Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 22/9/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bản vẽ thiết kế - thi công công trình; Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Không có đất, nhà làm việc nằm trong khuôn viên của UBND xã Ngọc Lặc
2	Trạm Y tế Thị trấn Ngọc Lặc cũ: Thôn Nguyễn Trãi, xã Ngọc Lặc	1.134	286,85	471,1	471,1		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923284 ngày 26/7/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XX	Trung tâm Y tế Thọ Xuân											

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Trạm Y tế xã Xuân Khánh cũ: Thôn Lộc Thịnh, xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	999,3	275	275	275	Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh; Nhà để xe	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03588 ngày 31/7/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp; Thửa đất số 971, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã Xuân Khánh đo vẽ năm 2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế xã Xuân Thành cũ: Thôn Nghĩa Lễ 1, xã Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	1.672	500	500	500	Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa số 635, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính xã Xuân Thành đo vẽ năm 2002	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế thị trấn Thọ Xuân cũ: Thôn Bắc Tiến, xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá	491	160	160	160	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 77, bản đồ số 45, bản đồ địa chính thị trấn Thọ Xuân đo năm 2015	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế xã Xuân Quang cũ: Thôn Bàn Thạch 4, xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá	1.407	200	200	200	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 259-260, tờ bản đồ số 13, bản đồ địa chính xã Xuân Quang	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Thị trấn Lam Sơn cũ	683	200	200	200	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03974 ngày 26/9/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
6	Trạm Y tế Thuận Minh (Trạm Y tế xã Thọ Minh cũ): Thôn 2 Yên Lược, xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hoá	1.138,7	280	280	280	Nhà để xe; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 518, tờ bản đồ số 9 do UBND xã Thọ Minh đo năm 2015	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
7	Trạm Y tế xã Thọ Thắng cũ: Thôn Phú Vinh, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá	1.895	220	220	200	Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Bản đồ số 286 đo ngày 9/9/2025 của UBND xã Xuân Lập	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
8	Trạm Y tế xã Xuân Tân cũ: Thôn Phong Mỹ, xã Xuân Lập, Tỉnh Thanh Hoá	987	150	150	150	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 844, tờ bản đồ số 06 của UBND xã Xuân Tân	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
9	Trạm Y tế xã Thọ Trường cũ: Thôn Long Linh Ngoại 2, xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá	1.023	220	220	220	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03719 ngày 21/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
10	Trạm Y tế Thị trấn Sao Vàng cũ: Thôn 2, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hoá	6.106	197	197	197	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03625 ngày 01/8/2014 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
11	Trạm Y tế xã Xuân Yên cũ: Thôn Phú Cường, xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá	1.165,4	240	210	180	Nhà để xe; Bể nước; Tường rào; Nhà vệ sinh	Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 14; Sơ đồ thửa đất Phòng kinh tế UBND xã Xuân Tín cấp 2025	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXI	Trung tâm Y tế Yên Định											
1	Trung tâm Y tế Yên Định cơ sở 2: Thôn Đắc Trí xã Định Hoà	2.590,4	1475	1475	1475	0	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS761730 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất sơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Yên Trường cơ sở 2: Thôn 2, xã Yên Trường	2.144	257	514	514	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00186 ngày 26/6/2003 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Đất sơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Yên Ninh cơ sở 2: Thôn Trịnh Xá 3, xã Yên Ninh	1.402	277,2	277,2	277,2	4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03972 ngày 26/9/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất sơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Yên Lâm cơ sở 2: Thôn Đông Sơn, xã Quý Lộc	1.736	336,2	336,2	336,2	1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00043 ngày 13/5/2003 của UBND tỉnh Thanh Hóa	Đất sơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Quy Lộc cơ sở 2: Thôn 10, xã Quý Lộc	378,3	66,3	66,3	66,3	1	Trích can khu đất ngày 05/8/2019 của UBND xã Quy Lộc cũ	Đất sơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
1	Trung tâm Dân số cũ	611	-	-	-		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00551 ngày 02/7/2013	Đất cơ sở Y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Thị trấn Lang Chánh cũ: thôn Phổng Bàn, xã Linh Sơn	1.080	345,6	399,5	299,5		Biên bản bàn giao quyền sử dụng đất ngày 25/6/2017 của UBND xã Quang Hiến (cũ)	Đất cơ sở Y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Đồng Lương cũ: Thôn Chiềng Khặt, xã Đồng Lương	1.000	190	184	184	5	Biên bản bàn giao quyền sử dụng đất	Đất cơ sở Y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXV	Trung tâm Y tế Vĩnh Lộc											
1	Trạm Y tế Vĩnh Quang cơ sở 2: Tthôn Lê Sơn, xã Tây Đô	1.653	235	235	235		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 923813	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Ninh Khang cơ sở 2: Thôn Thọ Vực, xã Vĩnh Lộc	746	365	365	365		Chưa có hồ sơ pháp lý về nhà đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Ninh Khang cơ sở 3: Thôn Khang Tân, xã Vĩnh Lộc	1.500	315	315	315		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 966639 ngày 09/6/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Vĩnh Lộc cơ sở 2: Khu phố 1, xã Vĩnh Lộc	432	138	138	138		Chưa có hồ sơ pháp lý về nhà đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXVI	Trung tâm Y tế Thiệu Hóa											
1	Trạm Y tế Thiệu Hóa cơ sở 2 (Trạm Y tế Thiệu Đô cũ): Khu phố 8, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá	2.259,5	232	232	232	Nhà xe, tường rào	Trích bản đồ địa chính do UBND xã Thiệu Đô cấp ngày 03/9/2019	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Thiệu Hóa cơ sở 3 (Trạm Y tế Thiệu Phú cũ): Khu phố Thuận Tôn, xã Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá	1.083,1	215,5	215,5	215,5	Tường rào	Giấy chứng nhận QSD đất số BS 761082 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 24/3/2014	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
3	Trạm Y tế Hậu Hiền cơ sở 2 (Trạm Y tế Thiệu Minh cũ): Khu phố Đồng Minh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hoá	3.463,8	186	186	186	Nhà xe, tường rào	Giấy chứng nhận QSD đất số BR 615308 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 09/12/2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Tân Châu cơ sở 2 (Trạm Y tế Thiệu Tân cũ): Tổ dân phố Tân Sơn, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá	728,3	151	247	247	Tường rào, lò đốt rác	Giấy chứng nhận QSD đất số BR 615170 do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 14/11/2013	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
XXVII	Trung tâm Y tế Nông Cống											
1	Trạm Y tế Nông Cống cơ sở 2: Thôn Bái Đa, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	254	80	80	80		Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
2	Trạm Y tế Trung Chính cơ sở 2 (Trạm Y tế xã Trung Ý cũ): Thôn Thọ Vinh, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa	1.627,5	185	185	185		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
3	Trạm Y tế Tế Nông cơ sở 2: Thôn Châu Sơn, xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa	1.500	354	354	354		Chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
4	Trạm Y tế Yên Mỹ cơ sở 2 (Trạm Y tế xã Công Bình cũ): Thôn Yên Bình, xã Công Chính, tỉnh Thanh Hóa	2.926	150	300	300		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 913691; Quyết định số 00551/QSĐĐ/QĐ 2881/QĐ-UB ngày 14/9/2004	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	
5	Trạm Y tế Thăng Bình cơ sở 2 (Trạm Y tế xã Thăng Bình cũ): Thôn Hồng Sơn, xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa	1.772	200	200	200		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923857 ngày 09/10/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Khoản 1 Điều 13 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	

Phụ lục III

DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

THEO HÌNH THỨC ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
I	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh											
1	Cơ sở 575 Quang Trung II, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	600	287	752	752		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 233986 cấp cho Sở Y tế Thanh Hóa	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP	Sử dụng chung với Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hoá. Đề xuất điều chuyển cho Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hoá quản lý, sử dụng
II	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa											
1	Nơi làm việc Trung tâm Pháp y cũ	-	277,9	277,9	277,9			Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP	Nằm trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Đề nghị điều chuyển cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh quản lý, sử dụng
III	Trung tâm Y tế Hạc Thành											
1	Trung tâm Y tế Hạc Thành cơ sở 2 (Trung tâm Y tế Đông Sơn cũ): Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá	7.580,1	409,6	512	512		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00247	Đất cơ sở Y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP	Điều chuyển cho Bệnh viện Đa khoa Đông Sơn
IV	Trung tâm Y tế Hà Trung											
1	Trạm Y tế xã Hà Ninh cũ: Thôn Đa Quả 1, xã Hà Trung	1.530	150	150	150		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00450/QSĐĐ/2529/QĐ-UB	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	Khoản 1 Điều 12 Nghị định 03/2025/NĐ-CP	Điều chuyển cho Trường Tiểu học Hà Ninh
V	Trung tâm Y tế Thiệu Hóa											
1	Trung tâm y tế Thiệu Hóa cũ (được bố trí tạm trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa Thiệu Hóa)	-	583,69	1.208,25	1.103,21			Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP	Không có đất, chỉ có nhà làm việc trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa Thiệu Hoá. Đề nghị điều chuyển cho Bệnh viện Đa khoa Thiệu Hoá quản lý, sử dụng
VI	Trung tâm Y tế Vĩnh Lộc											
1	Trạm Y tế Minh Tân cơ sở 1 (Trạm Y tế Vĩnh Tân cũ): Thôn Bồng Trung 2, xã Biện Thượng	2.311	450	450	450		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 064999 ngày 10/7/2003 do UBND tỉnh cấp	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Điều chuyển	Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP	Điều chuyển cho UBND xã Biện Thượng quản lý, sử dụng

Phụ lục IV
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP
THEO HÌNH THỨC THU HỒI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đơn vị/ địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m²)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
I	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh											
1	Cơ sở 23B Phan Chu Trinh, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa (Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh)	1.351,5	-	3.832	3.832	Công trình xử lý chất thải	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 157389	Đất cơ sở y tế	Không sử dụng	Thu hồi	Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP	Thu hồi theo Thông báo kết luận số 94/TB-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh